

Số: 15 /KL-TTTP

Hải Phòng, ngày 15 tháng 6 năm 2026

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra trách nhiệm của Chủ tịch UBND các xã: Thanh Hà, Hà Tây, Hà Nam, Hà Đông trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thanh tra việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản công và cơ sở nhà đất sau sáp nhập; thực hiện dịch vụ hành chính công; thanh tra đối với một số cơ sở giáo dục trực thuộc UBND xã trong việc thu, quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí năm 2024, 2025; thanh tra công tác quản lý đầu tư xây dựng của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Thanh Hà đối với một số dự án, công trình

Thực hiện Quyết định thanh tra số 42/QĐ-TTTP ngày 04/02/2026 của Chánh Thanh tra thành phố Hải Phòng về việc thanh tra trách nhiệm của Chủ tịch UBND các xã: Thanh Hà, Hà Tây, Hà Nam, Hà Đông trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thanh tra việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản công và cơ sở nhà đất sau sáp nhập; thực hiện dịch vụ hành chính công; thanh tra đối với một số cơ sở giáo dục trực thuộc UBND xã trong việc thu, quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí năm 2024, 2025; thanh tra công tác quản lý đầu tư xây dựng của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Thanh Hà (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Thanh Hà) đối với một số dự án, công trình, từ ngày 06/02/2026 đến ngày 16/4/2026, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 42/QĐ-TTTP đã tiến hành thanh tra tại UBND 04 xã (Thanh Hà, Hà Tây, Hà Nam, Hà Đông); 11 cơ sở giáo dục trực thuộc UBND xã (Thanh Hà: THCS Chu Văn An, Tiểu học Thanh Hà, Mầm non Thanh Hà; Hà Tây: THCS Thanh Hải, Tiểu học Tân An; Hà Nam: THCS Thanh Lang, Tiểu học Thanh Xuân, Mầm non Liên Mạc; Hà Đông: THCS Thanh Quang, Tiểu học Thanh Hồng, Mầm non Vĩnh Cường - Mầm non Thanh Cường); Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Thanh Hà (trực thuộc UBND xã Thanh Hà) và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Xét Báo cáo Kết quả thanh tra ngày 06/5/2026 của Trưởng Đoàn thanh tra; Báo cáo thẩm định số 01/BC-TTĐ ngày 08/6/2026 của Tổ trưởng Tổ thẩm định, Chánh Thanh tra thành phố kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Đối với UBND các xã Thanh Hà, Hà Tây, Hà Nam, Hà Đông

UBND các xã được thành lập và đi vào hoạt động theo Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của một số xã, thị trấn thuộc huyện Thanh Hà và một phần diện tích, quy mô dân số của xã Hòa Bình, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, cụ thể: xã Hà Đông có

diện tích tự nhiên là 33,15 km², quy mô dân số là 33.499 người và được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thanh Hồng, xã Vĩnh Cường và xã Thanh Quang huyện Thanh Hà; xã Hà Nam có diện tích tự nhiên 27,79 km² với quy mô dân số 27.800 người được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thanh Xuân, Liên Mạc, Thanh Lang, một phần diện tích tự nhiên của xã Thanh An và một phần diện tích tự nhiên của xã Hòa Bình (huyện Kim Thành); xã Thanh Hà có diện tích tự nhiên 25,9 km², dân số 35.791 người được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Thanh Hà, xã Thanh Tân, xã Thanh Sơn huyện Thanh Hà; xã Hà Tây có diện tích tự nhiên là 24,41 km², quy mô dân số là 34.187 người được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân An, xã An Phượng và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà.

Về cơ cấu tổ chức, UBND mỗi xã gồm: Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch, 03 phòng chuyên môn và 01 Trung tâm Phục vụ hành chính công. Các xã đã tích cực triển khai kiện toàn bộ máy hành chính theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp nhằm tinh gọn, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước để thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn.

2. Đối với 11 cơ sở giáo dục trực thuộc UBND xã

Các cơ sở giáo dục được thanh tra là các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã, chịu sự quản lý chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng.

Chức năng, nhiệm vụ chính: Thực hiện nhiệm vụ giáo dục theo từng cấp học (Giáo dục mầm non: chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; Giáo dục tiểu học và THCS: giảng dạy chương trình giáo dục phổ thông theo quy định).

- Cơ cấu tổ chức và biên chế: Gồm Ban Giám hiệu (*Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng*), Giáo viên (biên chế, hợp đồng), nhân viên (kế toán, văn thư, thư viện, y tế học đường...). Số lượng người làm việc được giao hằng năm theo văn bản của UBND cấp xã.

- Loại hình đơn vị: Là đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (là các đơn vị nhóm 4).

- Chế độ kế toán áp dụng: Áp dụng chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp và Thông tư 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

3. Đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Thanh Hà

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Thanh Hà (sau đây viết tắt là Ban QLDA ĐTXD xã Thanh Hà) là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã Thanh Hà, được chuyển giao từ Ban quản lý đầu tư xây dựng Tây Hải Phòng về trực thuộc UBND xã Thanh Hà quản lý theo Quyết định số 161/QĐ-UBND

ngày 14/01/2026 của UBND thành phố Hải Phòng; có chức năng, nhiệm vụ chính: tiếp nhận, kế thừa hồ sơ, nhiệm vụ từ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Thanh Hà; thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ đầu tư trong công tác quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án, công trình sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn xã và thực hiện các chức năng khác theo quy định của pháp luật do UBND xã Thanh Hà, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thanh Hà giao. Cơ cấu tổ chức của Ban QLDA ĐTXD xã Thanh Hà gồm: Lãnh đạo Ban (Giám đốc; 01 Phó Giám đốc) và 04 phòng chức năng, nghiệp vụ (Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Nghiệp vụ 1; Phòng Nghiệp vụ 2; Phòng Nghiệp vụ 3).

4. Giới hạn thanh tra

Vì giới hạn về thời gian thanh tra, điều kiện phương tiện, thiết bị phục vụ cho hoạt động thanh tra và yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ khác được Thanh tra Chính phủ, UBND thành phố giao. Thanh tra thành phố đã thống nhất với các đơn vị là đối tượng thanh tra về giới hạn nội dung kiểm tra, xác minh (chi tiết nội dung giới hạn thanh tra nêu tại Biên bản làm việc giữa Đoàn thanh tra với đơn vị được thanh tra). Các đơn vị được thanh tra hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các nội dung ngoài phạm vi được giới hạn thanh tra; chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp, trung thực của các nội dung báo cáo, giải trình và hồ sơ, tài liệu đã cung cấp cho Đoàn thanh tra của Thanh tra thành phố.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Thanh tra trách nhiệm của Chủ tịch UBND các xã: Thanh Hà, Hà Tây, Hà Nam, Hà Đông trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản công và cơ sở nhà đất sau sáp nhập; thực hiện dịch vụ hành chính công (từ 01/7/2025 đến 31/12/2025)

1.1. Việc chấp hành pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

1.1.1. Công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo UBND các xã đã triển khai công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay sau khi được thành lập và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, cụ thể:

- Ban hành quy định về nội quy tiếp công dân, quy chế tiếp công dân, thông báo lịch tiếp công dân, phân công công chức tiếp công dân và xử lý đơn.

- Xây dựng, ban hành và hướng dẫn việc thực hiện quy định về khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền (đã ban hành thủ tục hành chính trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của xã).

- Thực hiện theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình tiếp công dân và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh; tình hình khiếu nại, tố cáo và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Lập, quản lý, khai thác, sử dụng và lưu trữ hồ sơ vụ việc giải quyết khiếu nại, tố cáo: Trong kỳ thanh tra có 01/04 xã phát sinh đơn khiếu nại (UBND xã

Hà Đông tiếp nhận và giải quyết 03 đơn khiếu nại. UBND xã Hà Đông đã lập và lưu trữ 03 hồ sơ giải quyết khiếu nại).

- Thực hiện chi trả chế độ, chính sách đối với người tiếp công dân với tổng số tiền 40.348.000 đồng (xã Thanh Hà: 12.600.000 đồng; xã Hà Tây: 11.250.000 đồng; xã Hà Đông: 9.400.000 đồng; xã Hà Nam: 7.098.000 đồng).

1.1.2. Việc tiếp công dân và tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư

a) Công tác tiếp công dân

Tổng số lượt tiếp công dân từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025: 144 lượt/161 người (Hà Đông: 29 lượt/28 người; Hà Nam: 46 lượt/31 người; Thanh Hà: 29 lượt/29 người; Hà Tây: 40 lượt/73 người, 05 đoàn đông người) trong đó:

- Tiếp công dân thường xuyên: 49 lượt/54 người (Hà Đông: 28 lượt/27 người; Hà Nam: 0 lượt/0 người; Thanh Hà: 05 lượt/01 người; Hà Tây: 16 lượt/26 người).

- Tiếp công dân định kỳ: Chủ tịch UBND xã tiếp: 86 lượt/94 người (Hà Đông: 01 lượt/01 người; Hà Nam: 44 lượt/ 27 người - Phó chủ tịch tiếp thay 02 lượt/04 người; Thanh Hà: 15 lượt/15 người, Phó Chủ tịch UBND xã tiếp thay: 09 lượt/09 người; Hà Tây: Chủ tịch UBND xã tiếp: 24 lượt/47 người).

- Tiếp công dân đột xuất: 0 lượt/ 0 người.

b) Việc tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn

Tổng số đơn tiếp nhận trong kỳ là 122 đơn (Hà Đông: 49 đơn; Hà Nam: 22 đơn; Thanh Hà: 25 đơn; Hà Tây: 26 đơn), gồm: 15 đơn do các cơ quan khác chuyển đến; 107 đơn tiếp nhận trực tiếp và qua đường bưu điện. Trong đó: đơn thuộc thẩm quyền là 119 đơn (Hà Đông: 47 đơn; Hà Nam: 22 đơn; Thanh Hà: 25 đơn; Hà Tây: 25 đơn); đơn không thuộc thẩm quyền là 03 đơn (Hà Đông: 02 đơn; Hà Tây: 01 đơn). *(Chi tiết việc tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn theo Phụ lục I)*

1.1.3. Việc giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã

- Tổng số đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã phát sinh trong kỳ thanh tra: 03 đơn/03 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND xã Hà Đông; đã được Chủ tịch UBND xã giải quyết và ban hành 03 quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; các quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu có hiệu lực pháp luật đã được đôn đốc thực hiện đảm bảo theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, không phát sinh khiếu nại lần 2.

- Tổng số đơn tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã phát sinh trong kỳ thanh tra: không phát sinh đơn tố cáo thuộc thẩm quyền.

- Tổng số đơn phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền phát sinh trong kỳ thanh tra: 116 đơn (Hà Đông: 44 đơn; Hà Nam: 22 đơn; Thanh Hà: 25 đơn; Hà Tây: 25 đơn). Trong đó, 87 đơn đã được giải quyết Hà Đông: 24 đơn; Hà Nam: 22 đơn; Thanh Hà: 21 đơn; Hà Tây: 20 đơn); 26 đơn đang được giải quyết (Hà Đông: 19 đơn; Hà Nam: 0 đơn; Thanh Hà: 04 đơn; Hà Tây: 03 đơn); công dân rút đơn: 03 đơn (Hà Tây: 02 đơn; Hà Đông 01 đơn).

1.1.4. Việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo: UBND các xã đã thực hiện theo dõi, tổng hợp, báo cáo công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng theo quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-TTCP ngày 20/01/2024; Thông tư 06/2025/TT-TTCP ngày 29/9/2025 của Thanh tra Chính phủ quy định chế độ thông tin, báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, tiêu cực và các văn bản hướng dẫn của Thanh tra thành phố.

1.1.5. Nhận xét

a) Ưu điểm:

- UBND các xã cơ bản đã bố trí địa điểm tiếp công dân riêng biệt (xã Thanh Hà, xã Hà Đông, xã Hà Nam); thực hiện niêm yết nội quy, quy chế, thông báo lịch tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân; lập sổ tiếp công dân, sổ theo dõi tiếp nhận đơn; bố trí tương đối đầy đủ trang thiết bị phục vụ tiếp công dân theo quy định Luật Tiếp công dân năm 2013; kết thúc việc tiếp công dân, Chủ tịch UBND xã đã ban hành thông báo kết luận việc tiếp công dân theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.

- Công tác tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn, vào sổ theo dõi đơn của công dân trên địa bàn đã được Chủ tịch UBND các xã quan tâm chỉ đạo; việc tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn, lưu trữ đơn của Văn phòng HĐND và UBND các xã cơ bản đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ về quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

- Thực hiện chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn cơ bản đảm bảo quy định tại Điều 6 Thông tư 320/2016/TT-BTC ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 và Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng.

b) Hạn chế, thiếu sót:

- UBND xã Hà Tây chưa bố trí địa điểm tiếp công dân riêng biệt (sử dụng chung với phòng họp UBND xã làm địa điểm tiếp công dân) là chưa đảm bảo quy định tại Điều 19 Luật Tiếp công dân năm 2013; Điều 10 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân.

- Công tác tiếp dân theo định kỳ của Chủ tịch UBND xã Thanh Hà và Chủ tịch UBND xã Hà Nam có thời điểm chưa đảm bảo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 Luật Tiếp công dân 2013.

- Công chức được giao nhiệm vụ tiếp công dân thực hiện việc tiếp nhận, chuyển đơn cho cơ quan chuyên môn mà không thực hiện việc phân loại, xử lý đơn là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 8 Luật Tiếp công dân năm 2013;

Thông tư 05/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn phản ánh, kiến nghị (04 xã).

- Nội dung Thông báo kết luận của Chủ tịch UBND xã Thanh Hà, xã Hà Nam sau các buổi tiếp công dân còn chung chung, chưa cụ thể, chưa đảm bảo đầy đủ nội dung quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư 04/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.

- Sử dụng mẫu Phiếu chuyển đơn đề xuất, thụ lý đơn thuộc thẩm quyền là chưa đảm bảo quy định tại Thông tư 05/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn phản ánh, kiến nghị (04 xã).

- Kiểm tra 01/03 hồ sơ giải quyết đơn khiếu nại do Chủ tịch UBND xã Hà Đông giải quyết thấy: Thời hạn giải quyết khiếu nại đối với nội dung khiếu nại của bà Lê Thu Phương còn chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 27, 28 Luật Khiếu nại năm 2011.

1.2. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

1.2.1. Ưu điểm

- UBND các xã đã xây dựng, ban hành kế hoạch về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực¹; đã tổ chức triển khai và thực hiện chế độ báo cáo (định kỳ, đột xuất) cơ bản theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức và nhân dân, cụ thể: thông báo trên hệ thống loa truyền thanh xã; đăng tin bài trên Cổng thông tin điện tử và các trang Fanpage mạng xã hội để cập nhật thông tin của xã; tuyên truyền lồng ghép qua các cuộc họp quần dân chính.

- Việc công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị: thực hiện thông qua các cuộc họp cơ quan, họp Đảng bộ, sinh hoạt Chi bộ; niêm yết công khai tại trụ sở làm việc, thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng; UBND các xã đã thực hiện công khai minh bạch hoạt động cơ quan trên các lĩnh vực, như: Dự toán kinh phí hoạt động; Mua sắm tài sản công, trang thiết bị; quản lý thu, chi ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản; công tác quản lý đất đai, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; việc tuyển dụng, đào tạo, điều động, nâng lương, chuyển ngạch, khen thưởng cán bộ, công chức, viên chức và các quy trình giải quyết các TTHC.

- Việc xây dựng và thực hiện chế độ định mức, tiêu chuẩn: Theo báo cáo UBND các xã đã xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; tuân thủ quy định về quản lý, sử dụng kinh phí, mua sắm trang thiết bị, tài sản từ ngân sách nhà nước theo thẩm quyền và phù hợp tình hình thực tế tại địa phương; việc chi

¹ Thanh Hà: Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 08/8/2025; Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 08/8/2025; Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 05/11/2025; Hà Tây: Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 20/8/2025; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 04/9/2025; Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 25/8/2025; Hà Đông: Kế hoạch số 14 /KH-UBND ngày 04/8/2025; Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 11/8/2025; Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 05/9/2025 tự kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng năm 2025; Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 15/9/2025; Hà Nam: Kế hoạch số 43 /KH-UBND ngày 26/8/2025; Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 15/8/2025; Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 26/9/2025; Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 09/9/2025.

tiêu, mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản công được các đơn vị báo cáo thực hiện trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và dự toán ngân sách được giao; quản lý, sử dụng kinh phí cơ bản bảo đảm đúng mục đích, nội dung chi, phù hợp dự toán được giao và các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, tài chính, kế toán.

- Việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực quản lý: UBND các xã đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025.

- Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn: UBND các xã đã quán triệt, triển khai thực hiện các quy định về quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ đối với cán bộ, công chức trong quá trình thực thi nhiệm vụ; tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, chỉ đạo thực hiện văn hóa công vụ, quy tắc ứng xử, chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, kiểm soát xung đột lợi ích, ... trong các cuộc họp chi bộ, cơ quan, đơn vị, đăng tải lên cổng thông tin điện tử xã. Đội ngũ cán bộ, công chức cơ bản chấp hành quy định về chuẩn mực giao tiếp, ứng xử trong thi hành công vụ; không phát hiện trường hợp vi phạm nghiêm trọng quy tắc ứng xử.

- Việc chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn: việc bố trí, phân công lại cán bộ, công chức trong quá trình sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã cơ bản gắn với yêu cầu điều động, luân chuyển, góp phần phòng ngừa tiêu cực, nâng cao hiệu quả thực thi công vụ; đã thực hiện điều động, tiếp nhận, phân công lại vị trí công tác phù hợp với năng lực, chuyên môn và yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới đối với một số trường hợp (Trong kỳ thanh tra, UBND xã Thanh Hà thực hiện bổ nhiệm 04 công chức, viên chức. UBND xã Hà Tây thực hiện bổ nhiệm 02 công chức, viên chức, UBND xã Hà Đông chuyển đổi vị trí 07 công chức; UBND xã Hà Nam chuyển đổi vị trí 04 công chức).

- Việc cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý: UBND các xã đã ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính hằng năm; lập, phân loại danh sách các TTHC toàn trình, TTHC một phần và hướng dẫn người dân, doanh nghiệp từng bước thực hiện TTHC qua môi trường điện tử; việc rà soát, đơn giản hóa TTHC từng bước được quan tâm, góp phần giảm thời gian, giảm chi phí thực hiện cho người dân và doanh nghiệp; một số lĩnh vực đã thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tại các xã như: thực hiện đăng ký, quản lý hộ tịch trên phần mềm điện tử (lĩnh vực tư pháp); tiếp nhận, giải quyết hồ sơ qua bộ phận “Một cửa”, áp dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình (lĩnh vực đất đai, xây dựng); sử dụng phần mềm kế toán, quản lý ngân sách (lĩnh vực tài chính – kế toán); áp dụng phần mềm quản lý văn bản, điều hành tác nghiệp hpnet (lĩnh vực văn thư, hành chính)

- Việc thanh toán không dùng tiền mặt: UBND các xã đã triển khai thực hiện đẩy mạnh việc thanh toán không dùng tiền mặt đối với một số khoản thu, chi theo chủ trương của Nhà nước (như thu phí, lệ phí, chi trả chế độ, thanh toán qua tài khoản ...). Thực hiện trả lương, phụ cấp qua tài khoản ngân hàng cho

100% cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách tại cấp xã.

- Việc thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập: UBND các xã đã triển khai thực hiện việc tổ chức kê khai, công khai, quản lý, giao nộp bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai về Thanh tra thành phố theo quy định²; thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức bằng hình thức công bố tại cuộc họp.

- Việc phát hiện và xử lý tham nhũng, tiêu cực: UBND các xã báo cáo chưa phát hiện tham nhũng, tiêu cực qua công tác kiểm tra, tự kiểm tra; công tác giải quyết phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng.

1.2.2. Hạn chế, thiếu sót

- Việc công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị còn chưa đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 11 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022; UBND xã Thanh Hà chưa ban hành Quyết định công bố công khai và thực hiện công khai quyết toán ngân sách năm 2025 theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

- Việc thanh toán không dùng tiền mặt khi thực hiện các TTHC tại Trung tâm phục vụ hành chính công của các xã còn có hạn chế do thói quen sử dụng tiền mặt của người dân và kỹ năng số, năng lực tiếp cận công nghệ thông tin của người dân còn chưa cao.

- UBND các xã chưa thực hiện việc rà soát, kiến nghị để sửa đổi, bãi bỏ hay đề nghị cắt giảm các TTHC không còn phù hợp với đặc điểm, tình hình địa phương cũng như chưa đề xuất việc cắt giảm thời gian thực hiện các TTHC.

- Còn có trường hợp kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ chưa đảm bảo về thời gian theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (02 trường hợp được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của xã Hà Tây, gồm: 01 công chức giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Kinh tế và 01 viên chức giữ chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công).

1.3. Thanh tra việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản công và cơ sở nhà đất sau sáp nhập

1.3.1. Ưu điểm

1.3.1.1 Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và xây dựng Quy chế

UBND các xã đã phổ biến, quán triệt Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các nghị định hướng dẫn thi hành³ đến cán bộ, công chức trong các cuộc họp cơ quan, sinh hoạt chi bộ ngay sau khi sắp xếp bộ máy; ban hành Quy chế quản lý,

² Theo báo cáo của UBND các xã: tổng số người phải kê khai và đã kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2025 là 149 người (Thanh Hà: 11 người; Hà Tây: 39 người; Hà Đông: 44 người; Hà Nam: 55 người) trong đó: kê khai lần đầu: 0 người; kê khai bổ sung: 03 người (Thanh Hà: 01; Hà Nam: 02); kê khai hằng năm: 144 người (Thanh Hà: 10 người; Hà Tây: 37 người; Hà Đông 44; Hà Nam 53 người); kê khai phục vụ công tác cán bộ: 02 người (Hà Tây).

³ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

sử dụng tài sản công⁴ trong đó phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận chuyên môn; phân công công chức làm đầu mối theo dõi tài sản công và quản lý Phần mềm Quản lý tài sản công nhà nước (xã Thanh Hà, Hà Đông, Hà Nam: 01 công chức Phòng Kinh tế; xã Hà Tây: 01 công chức Văn phòng HĐND và UBND).

1.3.1.2 Tình hình tiếp nhận tài sản công và quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công

Theo báo cáo của UBND các xã, tình hình tiếp nhận tài sản công và quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công được tổng hợp như sau:

- Các cơ sở nhà, đất hiện đang được quản lý, sử dụng phục vụ hoạt động của bộ máy chính quyền và các thiết chế tại cơ sở; việc quản lý, sử dụng các thiết chế văn hóa cơ bản phục vụ nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân; không phát sinh tranh chấp, lấn chiếm, sử dụng sai mục đích và cơ bản phù hợp quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Tình hình tiếp nhận tài sản công của UBND các xã như sau:

+ UBND xã Thanh Hà tiếp nhận ⁵311 tài sản công từ 03 đơn vị (UBND huyện Thanh Hà; UBND xã Thanh Tân; UBND thị trấn Thanh Hà).

+ UBND xã Hà Tây tiếp nhận ⁶248 tài sản công từ 03 đơn vị (UBND xã Thanh Hải; UBND xã Tân An; UBND xã An Phượng).

+ UBND xã Hà Nam tiếp nhận ⁷250 tài sản công từ 05 đơn vị (UBND huyện Thanh Hà, UBND xã Thanh Xuân, UBND xã Liên Mạc, UBND xã Thanh Lang, UBND xã Thanh An).

+ UBND xã Hà Đông tiếp nhận ⁸218 tài sản công từ 03 đơn vị (UBND xã Vĩnh Cường, UBND xã Thanh Quang, UBND xã Thanh Hồng).

(Chi tiết thống kê quản lý, sử dụng tài sản công theo Phụ lục II)

- Về tuân thủ định mức, tiêu chuẩn: việc bố trí diện tích làm việc, trang thiết bị cho cán bộ, công chức sau sắp xếp đơn vị hành chính ở một số đơn vị cơ bản phù hợp tiêu chuẩn, định mức hiện hành. UBND các xã đã thực hiện rà soát, phân loại, sắp xếp tài sản theo điều kiện thực tế và nhu cầu sử dụng; việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, máy móc, thiết bị được thực hiện cơ bản đảm bảo yêu cầu tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế thất thoát, lãng phí tài sản công.

- Về khai thác tài sản công: UBND các xã, các đơn vị được thanh tra báo cáo không phát sinh hoạt động khai thác tài sản công dưới các hình thức cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết hoặc hình thức khác theo quy định của

⁴ Xã Thanh Hà: Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 15/7/2025; Xã Hà Tây: Quyết định 671/QĐ-UBND ngày 09/12/2025; Xã Hà Đông: Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 09/11/2025; xã Hà Nam: Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 03/11/2025.

⁵ Đất 41 cơ sở; Nhà 59; Xe ô tô và phương tiện khác 01; Máy móc thiết bị 170; Các loại tài sản khác 37; tài sản dôi dư 11.

⁶ Đất 30 cơ sở; Nhà 29; Xe ô tô và phương tiện khác 00; Máy móc thiết bị 154; Các loại tài sản khác 34; tài sản dôi dư 1.

⁷ Đất 17 cơ sở; Nhà 15; Xe ô tô và phương tiện khác 01; Máy móc thiết bị 182; Các loại tài sản khác 27; tài sản dôi dư 8.

⁸ Đất 19 cơ sở; Nhà 07; Xe ô tô và phương tiện khác 02; Máy móc thiết bị 167; Các loại tài sản khác 16; tài sản dôi dư 7.



pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Do đó, không phát sinh việc lập, phê duyệt đề án khai thác tài sản công và không phát sinh khoản thu nộp ngân sách nhà nước liên quan đến nội dung này.

- Về hạch toán kế toán: UBND các xã đã thực hiện mở sổ kế toán theo dõi tài sản cố định; công cụ, dụng cụ; tổ chức ghi nhận, theo dõi biến động tài sản công theo quy định. Việc tính khấu hao, hao mòn tài sản, công cụ, dụng cụ được thực hiện theo chế độ hiện hành. Thông tin tài sản công từng bước được rà soát, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công trên cơ sở hồ sơ tiếp nhận và hiện trạng quản lý, sử dụng sau sắp xếp đơn vị hành chính.

1.3.1.3. Xử lý tài sản công dôi dư và cơ sở nhà, đất công bỏ trống

Theo báo cáo, UBND các xã đã xây dựng phương án, lập hồ sơ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với từng cơ sở nhà, đất theo quy định, cụ thể:

- UBND xã Thanh Hà đã xây dựng phương án, lập hồ sơ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với 11 cơ sở nhà, đất dôi dư thuộc diện rà soát, sắp xếp, xử lý sau sắp xếp đơn vị hành chính.

- UBND xã Hà Tây đã đề nghị⁹ cấp có thẩm quyền xem xét điều chuyển 01 cơ sở nhà, đất là trụ sở UBND xã An Phượng cũ để phục vụ bố trí trụ sở Công an xã Hà Tây nhằm sử dụng hiệu quả tài sản công, tránh lãng phí; hiện đang chờ cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

- UBND xã Hà Đông có 04 trụ sở dôi dư sau sắp xếp đã được báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý; đã bàn giao cho Công an xã Hà Đông nhà, đất, vật kiến trúc, thiết bị văn phòng, công cụ dụng cụ và các tài sản khác thuộc trụ sở UBND xã Thanh Hồng; giao cho Trường mầm non Vĩnh Lập nhà, đất, vật kiến trúc là trụ sở UBND xã Vĩnh Cường. UBND xã tiếp tục rà soát các cơ sở nhà đất trên địa bàn gửi UBND thành phố đề xuất xử lý (UBND xã Hà Đông đã gửi hồ sơ điều chuyển công năng cơ sở nhà, đất trạm y tế Thanh Quang (điểm Trường Thành) cho trường mầm non Thanh Quang).

- UBND xã Hà Nam đã lập phương án và hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định đối với 02 trụ sở dôi dư sau sắp xếp, cụ thể: đề nghị điều chuyển trụ sở làm việc UBND xã Thanh Lang cũ cho Công an xã Hà Nam sử dụng¹⁰; điều chuyển kết hợp chuyển đổi công năng sử dụng trụ sở làm việc UBND xã Thanh Xuân cũ cho Trường Mầm non Thanh Xuân sử dụng làm điểm trường tập trung.¹¹ Hiện nay, UBND xã đã tạm bàn giao cho đơn vị đề nghị tiếp nhận sử dụng, đảm bảo tránh lãng phí. Sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền về việc điều chuyển tài sản công, UBND xã tiếp tục thực hiện các thủ tục bàn giao chính thức cho bên đề nghị tiếp nhận tài sản công theo quy định.

1.3.2. Hạn chế, thiếu sót

- Một số biên bản bàn giao tài sản còn thể hiện chung chung, chưa đầy đủ thông tin nhận diện tài sản như tên tài sản, ký hiệu, số thẻ tài sản hoặc đặc điểm

⁹ Công văn số 300/UBND-KT ngày 21/11/2025

¹⁰ Công văn số 866/UBND-KT ngày 05/12/2025

¹¹ Công văn số 808/UBND-KT ngày 24/11/2025

quản lý khác, gây khó khăn cho công tác theo dõi, quản lý, đối chiếu sau bàn giao (xã Thanh Hà, xã Hà Đông, xã Hà Nam).

- Công tác bàn giao giữa xã cũ và xã mới tại một số đơn vị chưa đầy đủ về hồ sơ, tài liệu, nhất là các hồ sơ liên quan đến quản lý chợ, đình và quỹ đất công ích (xã Thanh Hà, xã Hà Tây).

- Một số cơ sở nhà, đất đã được bàn giao, tiếp nhận trên thực tế nhưng hồ sơ pháp lý liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất chưa được bàn giao đầy đủ (xã Hà Tây báo cáo tại thời điểm thanh tra); chưa thể hiện việc bàn giao đầy đủ Sổ theo dõi tài sản cố định, Sổ theo dõi công cụ, dụng cụ và các biên bản kiểm kê tài sản, công cụ, dụng cụ tại thời điểm bàn giao; do đó, việc theo dõi, quản lý, đối chiếu số liệu tài sản sau sắp xếp đơn vị hành chính còn gặp khó khăn (xã Thanh Hà).

1.4. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện dịch vụ hành chính công

1.4.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện

a) Ưu điểm:

- UBND các xã đã ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch triển khai công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC), tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức theo quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 và Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021; phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức trong quá trình thực hiện.

- Tổ chức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả; cơ bản tuân thủ quy trình giải quyết hồ sơ theo TTHC và thực hiện theo quy trình nội bộ do cấp có thẩm quyền ban hành.

- UBND các xã đã triển khai thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng, trong đó có nội dung phòng, chống hành vi sách nhiễu, gây phiền hà trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) theo Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 và Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tham nhũng; quán triệt đến cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ; thực hiện việc ký cam kết chống phiền hà, sách nhiễu đối với cán bộ, công chức đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập; thực hiện niêm yết công khai TTHC; quy trình, thời hạn giải quyết; phí, lệ phí, các văn bản miễn giảm phí, lệ phí; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức để kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh các trường hợp thực hiện chưa nghiêm quy định. Đồng thời, đẩy mạnh việc nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, tinh thần phục vụ Nhân dân; gắn trách nhiệm của từng cán bộ, công chức với kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Trong kỳ thanh tra, theo báo cáo của UBND các xã: không phát hiện trường hợp cán bộ, công chức vi phạm quy định về trách nhiệm công vụ, có hành vi sách nhiễu, gây phiền hà đối với cá nhân, tổ chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

b) Hạn chế, thiếu sót: UBND các xã chưa chủ động tổ chức rà soát, đánh giá TTHC để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các thủ tục không còn phù



hợp, các TTHC còn phức tạp, gây phiền hà cho người dân; chưa có văn bản kiến nghị cụ thể gửi cơ quan có thẩm quyền về việc đơn giản hóa TTHC.

1.4.2. Việc tổ chức vận hành Trung tâm phục vụ hành chính công xã

a) Ưu điểm:

- UBND các xã đã bố trí cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, hướng dẫn và trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (Trung tâm phục vụ hành chính công xã) cơ bản đảm bảo quy định; cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu phục vụ cung cấp dịch vụ công, phục vụ nhu cầu của cá nhân, tổ chức; 100% TTHC được công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin xã và niêm yết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã bằng phương thức quét mã QR và bảng treo tường theo quy định (các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, các thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính, các thủ tục hành chính ngành dọc được tiếp nhận tại địa phương).

- Lãnh đạo UBND các xã thường xuyên kiểm tra, đôn đốc cán bộ, công chức trong quá trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ TTHC nhằm bảo đảm việc giải quyết hồ sơ đúng quy định, đúng thời hạn.

b) Hạn chế, thiếu sót: UBND xã đã xây dựng, ban hành và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (được công bố tại Quyết định số 4109/QĐ-BKHHCN ngày 31/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ) trong hoạt động của cơ quan. Tuy nhiên, một số quy trình giải quyết công việc chưa được thiết lập đầy đủ theo quy định, chưa xác định rõ thành phần hồ sơ, biểu mẫu, thời hạn giải quyết và trách nhiệm của cá nhân, bộ phận thực hiện (UBND xã Hà Tây).

1.4.3. Việc tiếp nhận, giải quyết TTHC

a) Ưu điểm: UBND các xã thực hiện cơ bản đảm bảo các quy định về tiếp nhận, giải quyết TTHC đã công bố; số hồ sơ được giải quyết trước hạn đạt tỷ lệ cao.

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận¹²: 35.485 hồ sơ trong đó (trực tiếp: 7.119 hồ sơ; trực tuyến: 28.366 hồ sơ)

- Kết quả giải quyết:

+ Tổng số hồ sơ giải quyết trước hạn¹³: 34.512 hồ sơ; đúng hạn: 0 hồ sơ; quá hạn: 161 hồ sơ.

+ Tổng số hồ sơ từ chối tiếp nhận¹⁴: 228 hồ sơ;

+ Tổng số hồ sơ đang giải quyết¹⁵: 130 hồ sơ (trong hạn);

¹² **Thanh Hà**: 8.567 hồ sơ (trực tiếp: 1.654 hồ sơ; trực tuyến: 6.913 hồ sơ); **Hà Tây**: 9.637 hồ sơ (trực tiếp: 1.824 hồ sơ; trực tuyến: 7.813 hồ sơ); **Hà Đông**: 8.173 hồ sơ (trực tiếp: 2.004 hồ sơ; trực tuyến: 6.169 hồ sơ); **Hà Nam**: 9.108 hồ sơ (trực tiếp: 1.637 hồ sơ; trực tuyến: 7.471 hồ sơ);

¹³ **Thanh Hà**: trước hạn: 8.362 hồ sơ, đúng hạn: 0 hồ sơ; quá hạn: 12 hồ sơ; **Hà Tây**: trước hạn: 9.341 hồ sơ, đúng hạn: 0 hồ sơ; quá hạn: 84 hồ sơ; **Hà Đông**: trước hạn: 7.871 hồ sơ; đúng hạn: 0 hồ sơ; quá hạn: 57 hồ sơ; **Hà Nam**: trước hạn: 8.938 hồ sơ, đúng hạn: 0 hồ sơ; quá hạn: 08 hồ sơ.

¹⁴ **Thanh Hà**: 14 hồ sơ; **Hà Tây**: 108 hồ sơ; **Hà Đông**: 33 hồ sơ; **Hà Nam**: 73 hồ sơ.

+ Rút hồ sơ¹⁶: 454 hồ sơ.

+ Số lệ phí đã thu 06 tháng cuối năm 2025 là: 371.376.361 đồng.

(Chi tiết số liệu tiếp nhận và giải quyết TTHC theo Phụ lục III)

b) Hạn chế, thiếu sót:

- Thời gian giải quyết một số hồ sơ còn quá hạn; nguyên nhân: do thời gian đầu mới đi vào vận hành chính quyền địa phương hai cấp, cán bộ xử lý chưa quen việc, hệ thống giải quyết thường xuyên bị nghẽn, phần mềm các hệ thống hay bị lỗi, lãnh đạo địa phương chưa được cấp quyền đầy đủ dẫn đến không kịp ký trên hệ thống để trả kết quả cho công dân. Tuy nhiên, các hồ sơ quá hạn đã được UBND các xã thực hiện xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, đề nghị gia hạn thời gian giải quyết theo quy định tại Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2028 và Thông tư 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ.

- Đoàn thanh tra kiểm tra xác suất 05 bộ hồ sơ TTHC về đất đai và 05 bộ hồ sơ giải quyết TTHC về đăng ký kinh doanh tại UBND xã Thanh Hà, thấy: 02/5 TTHC về đất đai, 02/5 bộ TTHC đăng ký kinh doanh đăng tải không đúng kết quả giải quyết TTHC. Cụ thể: đăng tải không đúng kết quả giải quyết TTHC (Mã HS24.189-251009-11780: Đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ là bà Mạc Thị Miên nhưng kết quả đăng tải lại là bà Cao Thị Thu; Mã HS24.189-251106-9220 một số thành phần hồ sơ chưa ghi ngày, tháng, còn tẩy xóa: đơn đăng ký, bản cam kết trả lại đất; Mã HS24.189-251229-14177: Đơn đăng ký hộ kinh doanh Lâm Thị Quỳnh nhưng kết quả đăng tải lại là HKD Nguyễn Thị Lương); lưu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần: Mã HS24.189-251209-14726: Trong đơn đăng ký, mục 7 thông tin về các thành viên hộ gia đình đăng ký kinh doanh ghi Nguyễn Trọng Thùy nhưng trong hồ sơ TTHC lưu chưa có văn bản ủy quyền của thành viên hộ gia đình cho thành viên làm chủ hộ kinh doanh.

1.4.4. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN)

UBND các xã đã tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân trong giải quyết TTHC cơ bản đảm bảo theo quy định.

- Tổng số PAKN tiếp nhận trong kỳ: 23 (Thanh Hà: 10; Hà Tây: 03; Hà Đông: 08; Hà Nam: 02); nội dung phản ánh chủ yếu về quy định hành chính, thủ tục đất đai, thành lập và hoạt động doanh nghiệp ...

- Kết quả xử lý, thời hạn trả lời: Xử lý 23 PAKN đúng hạn.

- Việc công khai kết quả xử lý: công khai đầy đủ, đúng hạn 23 PAKN.

- Việc khảo sát mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp: Tại TTPVHCC các xã Thanh Hà, Hà Nam có đặt Kios khảo sát mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

(Chi tiết số liệu việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị theo Phụ lục IV)

¹⁵ Thanh Hà: 19 hồ sơ; Hà Tây: 67 hồ sơ; Hà Đông: 34 hồ sơ; Hà Nam: 10 hồ sơ.

¹⁶ Thanh Hà: 160 hồ sơ; Hà Tây: 37 hồ sơ; Hà Đông: 178 hồ sơ; Hà Nam: 79 hồ sơ.

2. Thanh tra đối với một số cơ sở giáo dục trực thuộc UBND xã trong việc thu, quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí năm 2024, 2025

2.1. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ

2.1.1. Ưu điểm

- Các cơ sở giáo dục được thanh tra đã xây dựng, ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ làm căn cứ quản lý, sử dụng kinh phí, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và phù hợp với đặc thù hoạt động của đơn vị; trình tự xây dựng, ban hành cơ bản đảm bảo quy định Luật Ngân sách nhà nước 2015, Luật Kế toán 2015, Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021, Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính và các tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, cụ thể: Quy chế được ban hành theo đúng thẩm quyền sau khi tổ chức lấy ý kiến tập thể cán bộ, viên chức trong đơn vị; nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ đã quy định tương đối đầy đủ các nội dung chi tiêu như: chi thanh toán cá nhân, chi hoạt động chuyên môn, chi mua sắm, sửa chữa tài sản, chi hội nghị, công tác phí, các khoản chi khác... theo nguyên tắc phù hợp với nguồn tài chính của đơn vị.

- Việc tổ chức thực hiện chi tiêu tài chính của các đơn vị cơ bản theo quy chế đã ban hành; việc thanh toán, chi trả được thực hiện thông qua hệ thống chứng từ kế toán, đảm bảo có căn cứ, đúng mục đích.

2.1.2. Hạn chế, thiếu sót

- Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024, 2025 của một số đơn vị còn có nội dung quy định chung chung, chưa đầy đủ theo nội dung hướng dẫn tại Điều 11 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính. Cụ thể: chưa quy định biện pháp xử lý đối với các trường hợp chi vượt mức khoán, vượt tiêu chuẩn, định mức, chưa bảo đảm yêu cầu quy định tại Điều 11 Thông tư số 56/2022/TT-BTC; chưa thực hiện việc gửi dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ đến cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để tham gia ý kiến trước khi ban hành; không quy định về việc lựa chọn ngân hàng thương mại để gửi tiền trích lập các Quỹ của đơn vị hoặc các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại Phụ lục 05 Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Mầm non Thanh Hà, Mầm non Thanh Cường, Mầm non Liên Mạc, Tiểu học Thanh Hà, Tiểu học Thanh Hồng, THCS Thanh Quang, THCS Thanh Lang). Không đưa các khoản thu - chi dịch vụ thỏa thuận (như tiền ăn bán trú, tiền vệ sinh môi trường, tiền nước uống, tiêng anh....) vào nội dung quy chế chi tiêu nội bộ để kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Kế toán năm 2015 (Mầm non Thanh Cường)

- Trường TH Thanh Xuân ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 còn sai sót về ngày tháng năm ban hành.

2.2. Việc áp dụng chế độ kế toán, tài khoản kế toán

2.2.1. Ưu điểm

- Về chế độ kế toán áp dụng: Các đơn vị đã thực hiện chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài

chính; Thông tư 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 áp dụng hình thức kế toán trên phần mềm MISA, cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính.

- Về hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán: Chứng từ thu, chi cơ bản được lập đầy đủ theo quy định, có chữ ký của các bộ phận liên quan; Sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết được mở, theo dõi tương đối đầy đủ; số liệu giữa sổ tổng hợp và sổ chi tiết cơ bản khớp đúng.

- Về công tác lưu trữ hồ sơ: Hồ sơ, chứng từ kế toán được đóng tập, sắp xếp và lưu trữ theo quy định tại Luật Kế toán 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Về công tác báo cáo tài chính, quyết toán: Trong các năm 2024 và 2025, các đơn vị đã lập và gửi các báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định; hồ sơ quyết toán được gửi cơ quan quản lý cấp trên để thẩm tra, phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước 2015.

- Về quản lý, lưu trữ chứng từ: Chứng từ kế toán được tập hợp, lưu trữ theo trình tự thời gian; cơ bản đáp ứng yêu cầu kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

2.2.2. Hạn chế, thiếu sót:

- Một số chứng từ kế toán chưa đảm bảo tính chặt chẽ trong thanh toán theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 và Thông tư 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, nội dung chi còn thiếu các văn bản kèm theo, cụ thể: thiếu giấy báo hồng tài sản, biên bản kiểm tra hiện trạng xác nhận hư hỏng tài sản, hồ sơ đề xuất sửa chữa, phiếu đề xuất của bộ phận sử dụng trực tiếp, (MN Thanh Cường, MN Liên Mạc, TH Thanh Hà, TH Thanh Hồng, THCS Thanh Quang); thiếu phiếu xuất kho, phiếu nhập kho theo quy định (MN Thanh Hà, MN Thanh Cường, MN Liên Mạc, TH Thanh Hà, TH Thanh Hồng, THCS Thanh Quang).

- Nhà trường trực tiếp thực hiện việc mua đồng phục cho học sinh là chưa đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30/9/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc mặc trang phục và lễ phục tốt nghiệp của học sinh, sinh viên (THCS Thanh Hải, THCS Chu Văn An, TH Tân An, THCS Thanh Lang, TH Thanh Hồng, MN Thanh Cường, TH Thanh Hà).

- Chưa thực hiện vào sổ các thiết bị vật dụng bán trú và sổ công cụ, dụng cụ theo mẫu S26-H là chưa đảm bảo hướng dẫn tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính (TH Thanh Hồng).

2.3. Việc lập, giao, thực hiện dự toán thu, chi các nguồn kinh phí

Theo báo cáo của các đơn vị được thanh tra, số liệu về lập, giao dự toán, thực hiện dự toán thu, chi các nguồn kinh phí trong 02 năm (2024 và 2025) như sau:

2.3.1. Về lập và giao dự toán ngân sách nhà nước

- Tổng dự toán giao năm 2024: 70.068.213.174 đồng, trong đó: Kinh phí thường xuyên được cấp đầu năm là 55.173.314.000 đồng; dự toán bổ sung trong

năm là 14.894.899.174 đồng (kinh phí thường xuyên: 10.503.140.000 đồng; kinh phí không thường xuyên: 4.391.759.174 đồng).

- Tổng dự toán giao năm 2025: 90.365.777.752 đồng, trong đó: Kinh phí thường xuyên được cấp đầu năm là 74.702.095.000 đồng; Dự toán bổ sung trong năm: 16.207.592.752 đồng (kinh phí thường xuyên: 2.821.542.000 đồng; kinh phí không thường xuyên: 13.386.050.752 đồng); Kinh phí giảm trừ trong năm là 543.910.000 đồng

2.3.2. Về thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước

- Tổng dự toán được giao trong năm 2024: 70.068.213.174 đồng (chi thường xuyên: 65.676.454.000 đồng; chi không thường xuyên: 4.391.759.174 đồng); thực hiện 69.376.556.406 đồng (chi thường xuyên: 65.630.176.000 đồng; chi không thường xuyên: 3.746.380.406 đồng). Kinh phí tồn tại Kho bạc là 691.656.768 đồng, trong đó: Huỷ dự toán và thu hồi về ngân sách là 210.336.768 đồng, chuyển nguồn sang năm sau là 481.320.000 đồng.

- Tổng dự toán được giao trong năm 2025: 90.365.777.752 đồng (chi thường xuyên: 76.979.727.000 đồng; chi không thường xuyên: 13.386.050.752 đồng); thực hiện 89.947.585.422 đồng (chi thường xuyên: 76.929.674.000 đồng; chi không thường xuyên: 13.017.911.422 đồng). Kinh phí tồn tại Kho bạc là 418.192.330 đồng, trong đó: Huỷ dự toán và thu hồi về ngân sách là 368.192.330 đồng, chuyển nguồn sang năm sau là 50.000.000 đồng.

(Chi tiết việc lập, giao dự toán, thực hiện dự toán theo Phụ lục V kèm theo)

2.3.3. Việc quản lý, sử dụng nguồn thu chi học phí

Theo báo cáo của các đơn vị được thanh tra, số liệu về việc thu, chi nguồn học phí trong năm học 2023-2024 và năm học 2024-2025 như sau:

- Tổng thu nguồn học phí năm học 2023-2024 là 3.375.009.000 đồng; dư đầu kỳ: 813.914.171 đồng; Tổng chi trong kỳ là 2.855.213.743 đồng (chi con người: 1.221.750.680 đồng; chi chuyên môn: 1.213.752.653 đồng; chi khác: 419.710.406 đồng); dư cuối kỳ: 1.333.709.428 đồng.

- Tổng thu nguồn học phí năm học 2024-2025 là 3.068.013.000 đồng, dư đầu kỳ là 1.333.709.428 đồng; Tổng chi trong kỳ là 2.948.814.539 đồng (chi con người: 2.121.873.419 đồng; chi chuyên môn: 634.395.406 đồng; chi khác: 192.545.714 đồng); dư cuối kỳ: 1.445.300.077 đồng.

(Chi tiết số liệu thu, chi của từng đơn vị có Phụ lục VI kèm theo)

2.3.4. Các nguồn kinh phí khác

Theo báo cáo của các đơn vị được thanh tra, số liệu về việc thu, chi các nguồn kinh phí khác trong năm học 2023-2024 và năm học 2024-2025 như sau:

- Tổng thu các nguồn kinh phí khác năm học 2023-2024 là 24.105.804.760 đồng, dư đầu kỳ là 96.305.080 đồng; Tổng chi trong kỳ là 24.150.365.385 đồng; dư cuối kỳ là 51.744.455 đồng.

- Tổng thu các nguồn kinh phí khác năm học 2024-2025 là 21.456.707.087 đồng, dư đầu kỳ là 58.133.455 đồng; Tổng chi trong kỳ: 21.323.075.521 đồng; dư cuối kỳ là 123.493.721 đồng.

(Chi tiết số liệu thu, chi của từng đơn vị có Phụ lục VII kèm theo)

2.3.5. Nhận xét

a) Ưu điểm:

- Các cơ sở giáo dục được thanh tra thực hiện chi từ ngân sách nhà nước cơ bản đảm bảo theo dự toán được phê duyệt; quy chế chi tiêu nội bộ và chế độ tiêu chuẩn, định mức quy định; chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương, công tác phí... cho viên chức, người lao động trong đơn vị được thanh toán kịp thời, đầy đủ; chủ động quản lý, điều hành, cân đối nguồn kinh phí đảm bảo đáp ứng nhiệm vụ chuyên môn và các hoạt động thường xuyên của đơn vị, cơ bản tiết kiệm, hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch thu – chi các nguồn kinh phí ngoài ngân sách với mức thu từng loại quỹ và xác định cụ thể mức chi từng loại quỹ thông qua hội nghị phụ huynh học sinh đầu năm học và họp Ban đại diện cha mẹ học sinh thống nhất mức (phương thức) thu các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường và các khoản thu hộ, chi hộ khác, trình phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thanh Hà phê duyệt; đã phân bổ dự toán thực hiện đối với các khoản thu, lập chứng từ và được theo dõi riêng theo từng loại quỹ; việc thu - chi có chứng từ, hóa đơn đảm bảo quy định.

b) Hạn chế, thiếu sót:

- Một số đơn vị không tổ chức xây dựng dự kiến thu, chi ngân sách hàng năm để gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, mà chủ yếu tiếp nhận dự toán được giao. Do đó, chưa đảm bảo trách nhiệm của đơn vị sử dụng ngân sách trong việc tham gia xây dựng dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành (MN Thanh Hà; THCS Thanh Hải; TH Tân An, TH Thanh Xuân, THCS Thanh Lang). Thực trạng trên dẫn đến dự toán được giao chưa sát với nhu cầu thực tế của từng đơn vị nên xảy ra tình trạng các nguồn quỹ còn số dư cuối kỳ nhiều (THCS Thanh Hải; TH Tân An, TH Thanh Xuân, MN Thanh Hà, THCS Thanh Lang).

- Còn sử dụng nhiều tiền mặt trong thanh toán là chưa đảm bảo quy định tại Điều 1 Thông tư 136/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc nhà nước (TH Thanh Hồng, THCS Thanh Quang).

2.4. Về công khai tài chính

2.4.1. Ưu điểm

Các trường đã thực hiện công khai tài chính cơ bản đảm bảo quy định tại Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về

công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, tổ chức được ngân sách hỗ trợ; thực hiện công khai các khoản thu đầu năm học theo Thông tư 36/2017/TT-BGD ngày 28/12/2017 về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2.4.2. Hạn chế, thiếu sót

- Việc công khai ngân sách các quý năm 2024, 2025 thiếu Biểu mẫu số 3 Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, tổ chức được ngân sách hỗ trợ. Biên bản niêm yết công khai và Biên bản kết thúc niêm yết công khai quyết toán ngân sách quý II năm 2024 cùng một ngày: 05/7/2024 (THCS Chu Văn An).

3. Thanh tra công tác quản lý đầu tư xây dựng của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Thanh Hà đối với một số dự án, công trình

Thanh tra thành phố tiến hành thanh tra đối với 32/34 công trình (giảm 02 công trình theo văn bản đề nghị của Giám đốc Ban QLDA ĐTXD xã Thanh Hà); tổng giá trị chi phí xây dựng của các công trình được kiểm tra là 281.351.274.000 đồng (*Chi tiết có Phụ lục VIII kèm theo*). Trong đó Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Hà (kế thừa tiếp theo là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Thanh Hà; hiện nay được giao tiếp nhận là Ban Quản lý đầu tư xây dựng xã Thanh Hà) là Chủ đầu tư 29 công trình; 03 công trình nhận bàn giao hồ sơ từ UBND huyện Thanh Hà (Chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án từng công trình do UBND huyện Thanh Hà thành lập). Kết quả kiểm tra, xác minh như sau:

3.1. Ưu điểm

- Ban QLDA ĐTXD xã Thanh Hà, Chủ đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền giao đã tổ chức lập dự án đầu tư; Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình; nội dung dự án đầu tư, Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đã đánh giá được sự cần thiết phải đầu tư, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công của huyện, chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng được nhu cầu của đơn vị quản lý, sử dụng, dự kiến xác định được mục tiêu, vị trí, quy mô, nguồn vốn đầu tư và tiến độ thực hiện; thiết kế xây dựng của dự án phù hợp với nội dung, quy mô đầu tư, đủ điều kiện xác định tổng mức đầu tư xây dựng công trình, được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo trình tự quy định của Luật đầu tư công năm 2019, Luật Đầu tư công năm 2024, Luật Xây dựng năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 và các Nghị định quy định về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; nội dung đề xuất điều chỉnh Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật, ... đã thể hiện được lý do điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng; các

nội dung điều chỉnh dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo trình tự quy định.

- Chủ đầu tư đã lựa chọn đơn vị tư vấn thiết kế, khảo sát xây dựng có đủ điều kiện năng lực và tư cách pháp nhân; trình tự tổ chức lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng, khảo sát xây dựng cơ bản đảm bảo quy định của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 và các Nghị định quy định về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; nội dung hồ sơ khảo sát xây dựng đã đánh giá được hiện trạng công trình, các điều kiện tự nhiên về địa hình, địa chất, thủy văn, phù hợp yêu cầu của việc lập thiết kế xây dựng; hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thể hiện được tương đối đầy đủ các thông số kỹ thuật, vật liệu sử dụng, phù hợp với quy mô và thiết kế cơ sở đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đủ điều kiện để xác định dự toán xây dựng và triển khai thi công xây dựng công trình; khối lượng của dự toán cơ bản phù hợp với bản vẽ thiết kế; việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá cơ bản đảm bảo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; dự toán, thiết kế xây dựng đã được Chủ đầu tư tổ chức thẩm tra, trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- Công tác lựa chọn nhà thầu thi công đối với một số gói thầu được thanh tra cơ bản đảm bảo trình tự quy định của Luật Đấu thầu năm 2013; Luật Đấu thầu năm 2023; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 và Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; đơn vị trúng thầu cơ bản đảm bảo đủ điều kiện năng lực theo quy định; Hợp đồng xây dựng được ký kết giữa Chủ đầu tư và đơn vị trúng thầu cơ bản bảo đảm quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

- Tiến độ thực hiện hợp đồng cơ bản đảm bảo theo thời gian quy định trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng và thời gian gia hạn thực hiện hợp đồng của cấp có thẩm quyền; việc quản lý chất lượng công trình xây dựng cơ bản đảm bảo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Công tác quyết toán hợp đồng với các đơn vị tham gia thực hiện gói thầu thi công xây dựng cơ bản theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng đã ký kết; khối lượng nghiệm thu đảm bảo thiết kế, thay đổi thiết kế đã được Chủ đầu tư chấp thuận. Đến thời điểm kết thúc thanh tra trực tiếp, 30/32 công trình được nghiệm thu, hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy được công năng, đáp ứng được nhu cầu sử dụng và mục tiêu đầu tư xây dựng (02 gói thầu thi công xây dựng hiện còn đang trong quá trình thi công).

3.2. Hạn chế, thiếu sót

3.2.1. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư

- Chủ đầu tư, cơ quan thẩm định nguồn vốn chưa xác định được cụ thể nguồn vốn, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn khác để thực hiện dự án của một số dự án, công trình; còn có dự án chưa bố trí đủ nguồn vốn theo tiến độ thực hiện dự án (công trình Di chuyển đường dây 35kV phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Tân An và xã Thanh Khê, huyện Thanh Hà).

- Công tác khảo sát, thiết kế phục vụ lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình, ... còn có một số hạn chế dẫn tới quá trình thực hiện phải điều chỉnh Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật, điều chỉnh hợp đồng thi công xây dựng; có công trình phương án thiết kế còn chưa đồng bộ hạ tầng kết nối với hiện trạng (dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Khu 1 thị trấn Thanh Hà (Giai đoạn 3)).

3.2.2. Giai đoạn thực hiện đầu tư

3.2.2.1. Lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế dự toán

a) Về khảo sát xây dựng:

- Công tác điều tra, khảo sát bãi đổ thải vật liệu thừa phục vụ cho việc thi công xây dựng một số công trình còn hạn chế, chưa phù hợp thực tế dẫn đến nhà thầu thi công khó khăn trong việc tìm kiếm vị trí bãi đổ thải, phải xác định lại vị trí bãi đổ thải so với hồ sơ được duyệt (Sửa chữa, tu bổ đê đoạn từ K0+000 – K1+650 đê hữu Gù, xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà; ...).

- Kết quả khảo sát địa chất, địa hình, hiện trạng của một số công trình còn có hạn chế dẫn tới quá trình thực hiện thi công, Chủ đầu tư phải điều chỉnh thiết kế (Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Thanh Xuân, huyện Thanh Hà; Xây dựng Sở chỉ huy cơ bản huyện Thanh Hà; Hạng mục san lấp cống thoát nước, nhà bảo vệ, cống, tường rào và sân đường nội bộ; ...).

b) Về thiết kế, dự toán:

- Chỉ dẫn thiết kế, dự toán xây dựng một số hạng mục của công trình (Di chuyển đường dây 35kV phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Tân An và xã Thanh Khê, huyện Thanh Hà; Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Hồng Lạc (Khu B thôn Hải Hộ), xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà; ...) chưa cụ thể, chưa mô tả chi tiết đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, hoặc nhãn hiệu, catalogue của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa khi lập thiết kế, dự toán dẫn đến gây khó khăn cho nhà thầu trong quá trình chào thầu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và tổ chức thi công, nghiệm thu công việc xây dựng.

- Phương án, giải pháp thiết kế của một số hạng mục công trình còn có hạn chế dẫn tới quá trình thi công, Chủ đầu tư phải điều chỉnh thiết kế, phát sinh tăng, giảm chi phí thực hiện (điều chỉnh hạng mục thoát nước của công trình Mở

rộng trường và xây dựng nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường THCS Chu Văn An; ...).

- Bản vẽ thiết kế thi công của một số công trình còn chưa thể hiện rõ kích thước hình học, cao độ hiện trạng một số hạng mục dẫn đến khó khăn trong quá trình thi công, nghiệm thu (cao độ hiện trạng sân cải tạo và thiết kế mới Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Việt Hồng, huyện Thanh Hà của công trình Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Thanh Hồng và nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non Việt Hồng, huyện Thanh Hà; kích thước hình học một số vị trí nút giao của công trình Cải tạo, nâng cấp đường huyện 190D GD 1 (đoạn từ Km3+427 đến Km4+327); ...).

- Dự toán thiết kế còn có sai sót do tính sai tăng khối lượng thiết kế; vận dụng, áp dụng định mức chưa phù hợp, xác định sai giá vật liệu xây dựng làm tăng giá trị gói thầu thi công xây dựng nhưng chưa được các bên liên quan phát hiện để điều chỉnh, giảm trừ trong quá trình lập, phê duyệt giá gói thầu, lựa chọn nhà thầu, thực hiện hợp đồng thi công xây dựng với tổng số tiền 1.089.475.000 đồng; trong đó: Dự toán xây dựng có nội dung tính sai tăng khối lượng công việc xây dựng, xác định sai giá vật liệu với số tiền là 1.015.516.000 đồng; áp dụng định mức không phù hợp với số tiền là 73.959.000 đồng (Chi tiết theo Phụ lục VIII).

- Công tác tổ chức thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng của Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn; thẩm định, tham gia ý kiến của Phòng Kinh tế - Hạ tầng (Phòng Kinh tế - Hạ tầng Đô thị huyện Thanh Hà (cũ)) còn chưa chặt chẽ, người được giao thẩm tra, thẩm định thiết kế, dự toán không phát hiện được một số sai sót do thiết kế tính sai tăng khối lượng; xác định sai đơn giá vật liệu; áp dụng định mức, đơn giá chưa phù hợp (như nêu ở trên) dẫn đến kết quả thẩm tra, thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng của một số công trình còn chưa chính xác.

3.2.2.2. Công tác lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng

Hồ sơ mời thầu, dự thảo hợp đồng xây dựng gửi cho bên nhận thầu chưa ghi cụ thể mức tạm ứng và số lần tạm ứng hợp đồng xây dựng là chưa đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; không quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa được chỉ dẫn về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (vật liệu, vật tư, thiết bị gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, cáp trung thế, bóng đèn led, cửa đi, cửa sổ, ...) dẫn tới khó khăn cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị hồ sơ dự thầu, thương thảo hợp đồng; chưa quy định cụ thể số lần thanh toán, tỷ lệ thanh toán giá trị hợp đồng.

3.2.2.3. Công tác quản lý chất lượng, thi công xây dựng công trình, nghiệm thu, quyết toán công trình

- Hợp đồng thi công xây dựng của một số gói thầu thi công xây dựng được ký kết giữa Chủ đầu tư và đơn vị trúng thầu chưa ghi cụ thể mức tạm ứng và số lần tạm ứng hợp đồng xây dựng là chưa đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.



- Một số hợp đồng thi công xây dựng có hình thức hợp đồng là trọn gói nhưng Chủ đầu tư chưa quy định cụ thể số lần thanh toán, tỷ lệ thanh toán giá trị hợp đồng (hoặc giá trị hạng mục hoàn thành) là chưa đảm bảo quy định tại điểm a khoản 9.4 Điều 9 Phụ lục III Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng (gói thầu xây lắp: Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Thanh Hồng và Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Việt Hồng, huyện Thanh Hà; Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường Trung học Cơ sở Vĩnh Lập, xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà; ...).

- Một số nhà thầu thi công không lập tiến độ chi tiết thực hiện hợp đồng trình Chủ đầu tư chấp thuận để làm căn cứ thực hiện (nhà thầu thi công gói thầu: Xây dựng Sở chỉ huy cơ bản huyện Thanh Hà; Hạng mục san lấp cống thoát nước, nhà bảo vệ, cổng, tường rào và sân đường nội bộ; Tiểu dự án khu du lịch sinh thái Đồng Mãn, thôn An Lão, xã Thanh Khê, huyện Thanh Hà; ...); không có văn bản thỏa thuận giữa nhà thầu và Chủ đầu tư về hình thức và nội dung của nhật ký thi công xây dựng làm cơ sở thực hiện trước khi thi công xây dựng công trình; nội dung ghi nhật ký thi công của một số công trình còn sơ sài, chưa thể hiện đầy đủ diễn biến điều kiện thi công, nhân lực, thiết bị được nhà thầu huy động thực hiện thi công và tình hình nghiệm thu công việc xây dựng hàng ngày (32/32 công trình được thanh tra).

- Quản lý vật liệu xây dựng sử dụng thi công xây dựng một số công trình còn thiếu Giấy chứng nhận hợp quy theo quy định đối với vật liệu cát, gạch bê tông; sơn, kính; ... (công trình Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và cải tạo, sửa chữa các hạng mục xây dựng Trường Tiểu học Thanh Xuân; Mở rộng trường và xây dựng nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường THCS Chu Văn An; ...); thiếu hồ sơ chứng nhận chất lượng, xuất xứ, nhãn mác hàng hóa của một số vật liệu, vật tư, thiết bị được sử dụng thi công xây dựng công trình (vật liệu cửa, thiết bị vệ sinh, gạch ốp lát, sơn, ...).

- Chưa thực hiện việc đo điện trở tiếp địa của hệ thống chống sét của công trình để làm căn cứ cho công tác nghiệm thu hệ thống chống sét đối với một số công trình có yêu cầu thiết kế tiếp địa cho hệ thống chống sét (công trình Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường Trung học Cơ sở Vĩnh Lập, xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà; Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non xóm 4, xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà; ...).

- Bản vẽ hoàn công một số hạng mục công việc của một số công trình còn chưa thể hiện cụ thể kích thước hình học của một số hạng mục công việc xây dựng theo thực tế thi công (cao độ đỉnh rãnh thoát nước xung quanh Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Việt Hồng, huyện Thanh Hà của công trình Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Thanh Hồng và nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non Việt Hồng, huyện Thanh Hà); một số bản vẽ hoàn công còn thiếu chữ ký người lập và chưa ghi cụ thể thời gian lập bản vẽ hoàn công.

- Tiến độ thi công của một số công trình còn chưa đảm bảo theo quy định của hợp đồng đã được ký kết, phải gia hạn, điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng (gói thầu xây lắp Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Hồng Lạc

(Khu B thôn Hải Hộ), xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà; Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non xóm 4, xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà; ...); chưa hoàn thành thủ tục gia hạn tiến độ thực hiện hợp đồng (gói thầu thi công Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Thanh Hồng và nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non Việt Hồng, huyện Thanh Hà; ...); chậm hoàn thành thủ tục bàn giao công trình đưa vào sử dụng (gói thầu Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất thôn Nhân Hiền, xã Thanh Quang).

- Chủ đầu tư chưa mua bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng (công trình Cải tạo, nâng cấp đường huyện 190D GD 1 (đoạn từ Km3+427 đến Km4+327); ...) là chưa đảm bảo quy định tại Điều 32 Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng.

- Hiện trạng của một số công trình cần phải sửa chữa hoàn thiện (một số vị trí nứt tại khe co giãn tường kê và thi công hoàn thiện tường kê đê tại vị trí tiếp giáp với cánh phai cống (Km 59+180) của gói thầu Sửa chữa, tu bổ đê đoạn từ K56+987 - K59+765 đê tả Thái Bình; mái ta luy, lè đất một số công trình sửa chữa, tu bổ đê bị sụt, lún (đê hữu Gừa, đê tả Mía, tả Thái Bình); sửa chữa hoàn thiện hạng mục tường rào hoàn trả đoạn Cống Ông Trọng (Công trình Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển thủy sản, nông nghiệp xã Vĩnh Lập, Thanh Quang, huyện Thanh Hà gói xây lắp); chỉnh sửa, hoàn thiện 01 cột PCI-6.5 tại tuyến 5 xã Vĩnh Cường (công trình Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển thủy sản, nông nghiệp xã Vĩnh Lập, Thanh Quang, huyện Thanh Hà gói di chuyển đường điện); sửa chữa hoàn thiện hạng mục đắp lè đường, đường bê tông hoàn trả (Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hữu cơ kết hợp phát triển du lịch tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà (giai đoạn 1) theo hồ sơ thiết kế được duyệt; hoàn trả (01 cột điện do bị chuyển sang vị trí khác) hạng mục điện chiếu sáng của công trình Trung tâm văn hóa Thể thao huyện Thanh Hà, Hạng mục: Đường chạy, sân đường nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, cấp điện khu vực sân thể thao tổng hợp.

- Công tác lập, lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình của Chủ đầu tư còn hạn chế, thiếu sót: hồ sơ hoàn thành công trình còn chưa đầy đủ theo quy định tại Phụ lục VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

- Công tác quản lý, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán khối lượng xây lắp hoàn thành còn tồn tại một số hạn chế, chưa giảm trừ giá trị khối lượng thiết kế tính sai tăng, xác định sai giá vật liệu; áp dụng định mức đơn giá chưa phù hợp; khối lượng thực tế không thi công, ... với tổng số tiền 1.987.937.000 đồng (giá trị do dự toán thiết kế tính sai tăng khối lượng, xác định sai giá vật liệu, áp dụng định mức đơn giá chưa phù hợp với số tiền: 1.089.475.000 đồng (nêu tại mục 3.2.2.1); giá trị khối lượng thực tế nhà thầu không thi công theo triết tính của dự toán và thực tế với số tiền: 898.462.000 đồng).

- Công tác quản lý dự án và giám sát thi công xây dựng của Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn còn chưa chặt chẽ, chưa phát hiện và loại bỏ được những hạn

chế, thiếu sót trong công tác khảo sát, thiết kế, lập dự toán, mời thầu, quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình, nghiệm thu khối lượng hoàn thành, quyết toán giá trị xây lắp như nêu ở trên.

3.2.3. Giai đoạn kết thúc xây dựng

- Chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành còn chậm, chưa đảm bảo về thời gian.

- Công tác quản lý, nghiệm thu, quyết toán hợp đồng của Chủ đầu tư còn chưa chặt chẽ, quyết toán tăng giá trị một số công trình như nêu tại mục 3.2.2 nêu trên dẫn tới thanh toán thừa số tiền 1.320.994.000 đồng so với số liệu thanh tra (*Số liệu chi tiết của từng công trình theo Phụ lục VIII kèm theo*).

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

- Về trách nhiệm của Chủ tịch UBND các xã: Thanh Hà, Hà Tây, Hà Nam, Hà Đông trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực: Trong thời kỳ thanh tra (từ 01/7/2025 đến 31/12/2025), Chủ tịch UBND các xã đã nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thực hiện cơ bản đúng trách nhiệm quy định tại Luật Thanh tra, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân và Luật Phòng chống tham nhũng.

- Về việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản công và cơ sở nhà đất sau sáp nhập: Các đơn vị đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; mở sổ sách theo dõi hạch toán, kế toán và phân công công chức làm đầu mối theo dõi tài sản công theo quy định; quản lý, sử dụng tài sản công cơ bản đảm bảo định mức, tiêu chuẩn; đã có văn bản báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý tài sản công dôi dư và cơ sở nhà, đất công bỏ trống sau sắp xếp đơn vị hành chính.

- Về chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện dịch vụ hành chính công: UBND các xã đã tổ chức vận hành tương đối tốt Trung tâm phục vụ hành chính công; thường xuyên quan tâm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, xử lý đối với cán bộ, công chức trong việc giải quyết TTHC và cung cấp DVC trực tuyến cho cá nhân, tổ chức nên trong thời kỳ thanh tra, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến và giải quyết trước hạn đạt mức tương đối cao, không có trường hợp cán bộ, công chức có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà trong giải quyết TTHC, cung cấp DVC cho người dân và doanh nghiệp.

- Về việc thu, quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí năm 2024, 2025 của một số cơ sở giáo dục: Các trường đã thực hiện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, dự toán, định mức, tiêu chuẩn, chế độ; chấp hành dự toán, quyết toán kinh phí cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí cơ bản tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, đáp

ứng được các nhiệm vụ chuyên môn của nhà trường; thực hiện công khai tài chính cơ bản đảm bảo theo quy định; sử dụng tài khoản kế toán, sổ sách kế toán và các mẫu biểu theo hướng dẫn, quy định của Bộ Tài chính; chứng từ, sổ sách kế toán được lưu giữ đầy đủ.

- Về việc quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án, công trình được thanh tra: nhìn chung Chủ đầu tư đã thực hiện công tác quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án, công trình được thanh tra cơ bản đảm bảo quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Xây dựng 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng; tổ chức thi công, nghiệm thu, lập hồ sơ hoàn công, bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng cơ bản đảm bảo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ; các công trình được bàn giao, đưa vào sử dụng đã phát huy được công năng, đáp ứng được nhu cầu sử dụng và mục tiêu đầu tư của dự án.

2. Hạn chế, thiếu sót

Qua thanh tra trách nhiệm của Chủ tịch UBND các xã: Thanh Hà, Hà Tây, Hà Nam, Hà Đông trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thanh tra việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản công và cơ sở nhà đất sau sáp nhập; thực hiện dịch vụ hành chính công; thanh tra đối với một số cơ sở giáo dục trực thuộc UBND xã trong việc thu, quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí năm 2024, 2025; thanh tra công tác quản lý đầu tư xây dựng của Ban QLDA ĐTXD xã Thanh Hà đối với một số dự án, công trình còn có hạn chế, thiếu sót đã nêu tại điểm b mục 1.1.5; 1.2.2; 1.3.2; điểm b mục 1.4.1; điểm b mục 1.4.2; 1.4.3.1; 1.4.4; 2.1.2; 2.2.2; điểm b mục 2.3.5; 2.4.2 và 3.2 Phần II Kết quả kiểm tra, xác minh nêu trên.

3. Nguyên nhân hạn chế, thiếu sót

3.1. Đối với UBND các xã

3.1.1. Nguyên nhân khách quan

- Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, số lượng cán bộ, công chức tại các đơn vị cấp xã có sự thay đổi, biến động lớn cả về số lượng và chất lượng; nhiều công chức được phân công đảm nhiệm các lĩnh vực chuyên môn mới, trong đó có công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính và quản lý tài sản công nhưng trước đây công tác ở lĩnh vực khác hoặc các tổ chức đoàn thể nên còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận, nghiên cứu và áp dụng các quy định chuyên ngành.

- Khối lượng công việc tại UBND các xã tăng lớn sau sắp xếp đơn vị hành chính; phạm vi quản lý rộng hơn, nhiều nhiệm vụ phải triển khai đồng thời trong khi đội ngũ công chức cấp xã còn kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, ảnh hưởng nhất định đến tiến độ và chất lượng tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Bên cạnh đó, điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật tại một số địa phương còn hạn chế; diện tích trụ sở làm việc chật hẹp, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu bố trí địa điểm tiếp công dân riêng biệt theo quy định. Hệ thống hồ sơ,

tài liệu, dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước được bàn giao từ nhiều đơn vị khác nhau, có trường hợp hồ sơ thiếu đồng bộ, chưa đầy đủ hoặc chưa được chuẩn hóa nên gây khó khăn cho việc tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu và cập nhật.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giải quyết TTHC tại cơ sở vẫn còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện hạ tầng kỹ thuật và trình độ tiếp cận công nghệ của người dân; tỷ lệ người dân sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt còn thấp do thói quen sử dụng tiền mặt vẫn phổ biến, nhất là tại khu vực nông thôn và đối với người cao tuổi.

3.1.2. Nguyên nhân chủ quan

- UBND các xã còn chưa quan tâm đúng mức đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực tiếp công dân, xử lý đơn thư, cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, phòng chống tham nhũng và quản lý tài sản công; việc rà soát, chuẩn hóa quy trình, biểu mẫu, hồ sơ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chưa được tiến hành thường xuyên, đầy đủ.

- Công chức, viên chức được giao nhiệm vụ tham mưu tại một số bộ phận chuyên môn chưa nghiên cứu đầy đủ các quy định của Luật Tiếp công dân năm 2013, Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2018, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành; việc cập nhật, áp dụng quy trình nghiệp vụ trong xử lý đơn thư, công khai ngân sách, kiểm soát thủ tục hành chính, kê khai tài sản, thu nhập, đăng tải kết quả giải quyết thủ tục hành chính và quản lý hồ sơ, tài sản công còn chưa đảm bảo, dẫn đến một số nội dung thực hiện chưa đúng quy định.

- Công tác kiểm tra nội bộ, tự rà soát hồ sơ trước và sau khi giải quyết công việc chưa được thực hiện thường xuyên; việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu, biên bản bàn giao tài sản chưa đầy đủ, chưa khoa học, chưa bảo đảm tính chặt chẽ theo quy định. Một số đơn vị còn thiếu chủ động trong việc phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn để rà soát hồ sơ, tài liệu, tài sản trong quá trình bàn giao, tiếp nhận sau sắp xếp đơn vị hành chính; chưa chủ động rà soát, đánh giá TTHC để kiến nghị sửa đổi, đơn giản hóa hoặc cắt giảm thời gian giải quyết theo quy định.

3.1.3. Trách nhiệm đối với các hạn chế tại UBND các xã

- Trách nhiệm đối với các hạn chế, tồn tại nêu trên trước hết thuộc Chủ tịch UBND các xã trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn thư, cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, phòng chống tham nhũng và quản lý tài sản công tại địa phương.

- Trách nhiệm trực tiếp thuộc các chuyên viên các cơ quan chuyên môn và Trung tâm phục vụ hành chính công do chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm tham mưu, rà soát, cập nhật, kiểm tra hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật.

- Đối với các hạn chế trong việc kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ, trách nhiệm thuộc về bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ và cá nhân thuộc diện kê khai (xã Hà Tây) do chưa thực hiện đúng quy định về thời hạn kê khai tài sản, thu nhập trước khi bổ nhiệm.

- Đối với các hạn chế trong công tác bàn giao, tiếp nhận tài sản, hồ sơ, tài liệu sau sắp xếp đơn vị hành chính, trách nhiệm thuộc UBND các xã có liên quan, các bộ phận được giao quản lý tài sản, tài chính, địa chính và các cá nhân tham gia bàn giao, tiếp nhận do chưa thực hiện đầy đủ việc kiểm kê, lập hồ sơ, biên bản bàn giao và lưu trữ tài liệu theo quy định.

- Đối với các hạn chế trong việc giải quyết đơn khiếu nại (xã Hà Đông) trách nhiệm thuộc Chủ tịch UBND xã là người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại; các bộ phận tham mưu giải quyết đơn chịu trách nhiệm trong việc tham mưu chưa bảo đảm đúng thời hạn quy định của pháp luật về khiếu nại.

3.2. Đối với các cơ sở giáo dục

3.2.1. Nguyên nhân khách quan

- Trong giai đoạn 2024-2025, hệ thống văn bản quy định về cơ chế tự chủ tài chính, quản lý ngân sách, công khai tài chính, quản lý tài sản công đối với đơn vị sự nghiệp công lập có nhiều nội dung mới, thay đổi, phạm vi điều chỉnh rộng, yêu cầu thực hiện ngày càng chặt chẽ; trong khi đội ngũ cán bộ quản lý, kế toán tại các trường học phân lớn kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ nên việc cập nhật, nghiên cứu và tổ chức thực hiện có thời điểm còn chưa kịp thời, đầy đủ.

- Công tác lập dự toán ngân sách của các đơn vị trường học còn phụ thuộc nhiều vào khả năng cân đối ngân sách của cấp trên và chỉ tiêu dự toán được giao; một số nhu cầu chi phát sinh thực tế trong năm học chưa được xác định đầy đủ ngay từ đầu năm ngân sách nên ảnh hưởng đến chất lượng công tác xây dựng dự toán và kế hoạch mua sắm, sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất tại đơn vị.

3.2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Hiệu trưởng các nhà trường chưa thực sự quan tâm đầy đủ đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, ngân sách, kế toán, quản lý tài sản công và thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại đơn vị; chưa chủ động tổ chức xây dựng dự toán thu, chi ngân sách hằng năm, kế hoạch mua sắm, tăng cường cơ sở vật chất ngay từ đầu năm ngân sách theo quy định.

- Công tác xây dựng, rà soát và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ tại một số đơn vị còn mang tính hình thức, nội dung chưa đầy đủ, chưa cụ thể hóa các khoản thu, chi và biện pháp quản lý, xử lý theo quy định; việc lấy ý kiến cơ quan quản lý cấp trên trước khi ban hành Quy chế chưa được thực hiện đầy đủ.

- Kế toán và bộ phận tham mưu tài chính tại một số trường chưa nghiên cứu đầy đủ các quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Kế toán năm 2015, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Thông tư số 56/2022/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn có liên quan; việc tham mưu thực hiện công khai ngân sách, hạch toán kế toán, quản lý tài sản công, theo dõi hao mòn tài sản, lưu trữ chứng từ, hồ sơ xuất - nhập kho và quản lý các khoản thu dịch vụ còn thiếu chặt chẽ, dẫn đến một số nội dung thực hiện chưa đúng quy định.

- Công tác kiểm tra nội bộ, tự rà soát hồ sơ, chứng từ kế toán trước khi ký ban hành hoặc công khai chưa được thực hiện thường xuyên; việc lập biên bản, ghi chép hồ sơ, cập nhật số liệu kế toán còn dễ xảy ra sai sót về nội dung, thời gian và hình thức thể hiện. Một số đơn vị còn nhầm lẫn giữa các khoản thu hộ, chi hộ với nguồn

thu của đơn vị, dẫn đến việc hạch toán, quyết toán các khoản thu về đồng phục học sinh chưa đúng quy định hiện hành.

3.2.3. Trách nhiệm đối với các hạn chế tại các cơ sở giáo dục

- Trách nhiệm đối với các hạn chế, tồn tại nêu trên trước hết thuộc về Hiệu trưởng các nhà trường trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, ngân sách, kế toán, công khai tài chính, quản lý tài sản công và thực hiện cơ chế tự chủ tại đơn vị.

- Trách nhiệm trực tiếp thuộc kế toán các nhà trường và các cá nhân được giao tham mưu công tác tài chính, kế toán, quản lý tài sản công do chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm tham mưu, rà soát, cập nhật và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến lập dự toán, xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, công khai ngân sách, hạch toán kế toán, quản lý tài sản và lưu trữ hồ sơ, chứng từ kế toán theo quy định.

- Đối với các hạn chế trong việc xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ chưa đầy đủ nội dung theo quy định, trách nhiệm thuộc Hiệu trưởng và bộ phận kế toán các đơn vị có liên quan do chưa nghiên cứu đầy đủ các quy định tại Thông tư số 56/2022/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Đối với các hạn chế trong việc hạch toán, quyết toán khoản thu đồng phục học sinh chưa đúng quy định, trách nhiệm thuộc Hiệu trưởng, kế toán và các bộ phận tham mưu có liên quan tại các nhà trường do chưa phân định rõ tính chất khoản thu hộ, chi hộ theo quy định của ngành giáo dục và pháp luật về kế toán, tài chính.

- Đối với các hạn chế trong công tác công khai ngân sách, theo dõi tài sản công, quản lý kho và lưu trữ chứng từ kế toán, trách nhiệm thuộc Hiệu trưởng, kế toán và các cá nhân được giao quản lý tài sản, vật tư tại các đơn vị do chưa thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục và chế độ quản lý, theo dõi theo quy định hiện hành.

3.3. Đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Hà, nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Thanh Hà và các Ban quản lý dự án từng công trình do UBND huyện Thanh Hà thành lập

3.3.1. Nguyên nhân khách quan

- Một số đơn vị tư vấn, đơn vị thi công được chủ đầu tư lựa chọn còn hạn chế, sai sót trong việc lập dự toán, giám sát thi công, nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành; chưa thực hiện hết trách nhiệm trong việc tư vấn giúp chủ đầu tư thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quản lý đầu tư xây dựng công trình.

- Công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng đến tiến độ thi công xây dựng công trình; hiện tại còn có công trình chưa giải phóng được xong toàn bộ mặt bằng (Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Khu 1 thị trấn Thanh Hà (Giai đoạn 3); ...).

- Sau sáp nhập thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp của Ban, nhân sự của Ban có nhiều thay đổi nên có gặp khó khăn trong công tác bàn giao hồ sơ, tài liệu, lưu trữ hồ sơ, quản lý thi công, thực hiện nghiệm thu, thanh toán, quyết toán dự án hoàn thành.

3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác quản lý của Chủ đầu tư còn có hạn chế.

- Công tác giám sát việc thực hiện hợp đồng của Chủ đầu tư đối với các nhà thầu tư vấn, thi công xây dựng một số hạng mục công trình còn chưa chặt chẽ.

3.3.3. Trách nhiệm về những hạn chế, thiếu sót, vi phạm nêu trên

- Lãnh đạo Ban QLDA ĐTXD xã Thanh Hà (trước đây là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Hà; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Thanh Hà); Ban quản lý dự án từng công trình do UBND huyện Thanh Hà thành lập theo từng thời kỳ; các phòng chức năng và các cá nhân thuộc Ban; phòng chức năng trực thuộc UBND huyện Thanh Hà có liên quan đến một số hạn chế, thiếu sót trong công tác quản lý đầu tư xây dựng 32 dự án công trình theo quyết định thanh tra như đã nêu tại mục 3.2 Phần II Kết quả kiểm tra, xác minh ở trên.

- Các đơn vị tư vấn thiết kế; nhà thầu thi công xây dựng và các cá nhân có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ, hợp đồng với Chủ đầu tư.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2025, Nghị định số 216/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra; ngày 16/5/2026, Chánh Thanh tra thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 300/QĐ-TTTP thu hồi số tiền sai phạm phát hiện trong quá trình thanh tra là 1.320.994.000 của Ban QLDA ĐTXD xã Thanh Hà do quyết toán tăng dẫn đến thanh toán thừa chi phí xây dựng một số công trình so với số liệu sau thanh tra.

Đến ngày 16/6/2026, Ban QLDA ĐTXD xã Thanh Hà và các đơn vị đã thực hiện nộp số tiền 1.320.994.000 đồng vào tài khoản tạm giữ số: 3949.0.1048866.00000 của Thanh tra thành phố Hải Phòng tại Kho bạc Nhà nước Khu vực III.

V. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ Luật Thanh tra 2025; Nghị định 216/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra và kết quả thanh tra như nêu trên, Chánh Thanh tra thành phố kiến nghị biện pháp xử lý như sau:

1. Về xử lý hành chính

1.1. Đối với Chủ tịch UBND các xã Hà Đông, Hà Nam, Thanh Hà, Hà Tây

- Tổ chức xem xét, rút kinh nghiệm, đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có một số hạn chế, thiếu sót nêu trên, từ đó xác định hình thức xử lý phù hợp với quy định của pháp luật; xây dựng kế hoạch, biện pháp khắc phục ngay những hạn chế, thiếu sót đã nêu tại Kết luận thanh tra.

- Chỉ đạo Hiệu trưởng các trường được thanh tra, Giám đốc Ban QLDA ĐTXD xã Thanh Hà tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm, làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân để xảy ra hạn chế, thiếu sót, từ đó xác định hình thức xử lý phù hợp với quy định của pháp luật.

1.2. Đối với Hiệu trưởng các trường được thanh tra: Tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm, làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân để xảy ra hạn chế, thiếu

sót, từ đó xác định hình thức xử lý phù hợp với quy định của pháp luật; xây dựng kế hoạch, biện pháp khắc phục ngay những hạn chế, thiếu sót đã nêu tại văn bản Kết luận thanh tra.

1.3. Đối với Giám đốc Ban QLDA ĐTXD xã Thanh Hà: Tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm, làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân để xây ra hạn chế, thiếu sót, từ đó xác định hình thức xử lý phù hợp với quy định của pháp luật; xây dựng kế hoạch, biện pháp khắc phục ngay những hạn chế, thiếu sót đã nêu tại văn bản Kết luận thanh tra. Trường hợp vượt thẩm quyền xử lý đối với các cá nhân qua các thời kỳ có liên quan nêu tại mục 3.3.3 Phần III Kết luận thanh tra, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định.

2. Về xử lý kinh tế

Giám đốc Ban QLDA ĐTXD xã Thanh Hà thực hiện nội dung, kiến nghị sau: Có trách nhiệm làm việc với các nhà thầu thi công xây dựng và các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, rà soát, điều chỉnh giảm giá trị quyết toán A-B, giảm giá trị quyết toán hợp đồng thi công xây dựng với tổng số tiền 1.987.937.000 đồng (*số liệu chi tiết của từng công trình có Phụ lục VIII kèm theo*) khi quyết toán dự án hoàn thành; chủ trì cùng các đơn vị tư vấn, căn cứ kết quả thanh tra, xác minh xác định giá trị giảm trừ giá trị quyết toán chi phí tư vấn khi trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành (nếu có); thực hiện các thủ tục theo quy định để thu hồi giá trị thanh toán thừa (nếu có); giải quyết công nợ để hoàn thành việc thanh toán, tất toán tài khoản của các dự án theo quy định.

3. Về xử lý khác

- Chủ tịch UBND các xã Hà Đông, Hà Tây, Hà Nam, Thanh Hà có trách nhiệm chỉ đạo các phòng chuyên môn và cá nhân có liên quan thực hiện rà soát, kiểm kê tài sản công và cơ sở nhà đất sau sắp xếp các đơn vị hành chính đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản công đúng mục đích, hiệu quả, không thất thoát tài sản nhà nước, đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; hoàn thiện phương án xử lý tài sản dôi dư, bỏ trống, sử dụng kém hiệu quả (nếu có) để báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

- Chủ tịch UBND xã Thanh Hà có trách nhiệm chỉ đạo Ban QLDA ĐTXD xã Thanh Hà:

+ Kiểm tra, rà soát tình hình nợ vốn đầu tư công đối với các dự án, công trình được thanh tra để có phương án, biện pháp khắc phục tình trạng nợ vốn đầu tư xây dựng công trình, đặc biệt là các công trình đã hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

+ Chủ trì cùng với các đơn vị tư vấn, thi công xây dựng căn cứ kết quả thanh tra thực hiện kiểm tra, rà soát khối lượng đã nghiệm thu; kiểm tra xuất xứ hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị đã đưa vào sử dụng thi công công trình; kiểm tra, rà soát việc áp dụng định mức, đơn giá đối với các hạng mục việc xây dựng chưa được thanh tra, các vật tư, vật liệu, thiết bị chưa được hồ sơ thiết kế, hồ sơ hợp đồng quy định cụ thể, rõ ràng; hoàn thiện hồ sơ quản lý chất lượng, bản vẽ hoàn công; hồ sơ quyết toán để thực hiện quyết toán hợp đồng theo đúng khối lượng

thực tế thi công và chủng loại vật liệu thực tế đưa vào sử dụng thi công xây dựng công trình, đảm bảo theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết, phù hợp với quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan khác áp dụng cho hợp đồng, đảm bảo không thất thoát ngân sách nhà nước; thực hiện các công việc tiếp theo của dự án đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng; yêu cầu đơn vị thi công tổ chức thực hiện đo kiểm tra điện trở tiếp địa của công trình có yêu cầu thiết kế về an toàn chống sét theo đúng quy định.

+ Báo cáo, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Khu 1 thị trấn Thanh Hà (Giai đoạn 3); Tiểu dự án khu du lịch sinh thái Đồng Mần, thôn An Lão, xã Thanh Khê, huyện Thanh Hà do đến thời điểm hiện nay vẫn chưa thực hiện xong công tác giải phóng mặt bằng, chưa bàn giao được mặt bằng thi công một số hạng mục của dự án; xem xét quyết định việc gia hạn thời gian thực hiện dự án, thực hiện hợp đồng đối với hạng mục Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Thanh Hồng của dự án Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Thanh Hồng và nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non Việt Hồng, huyện Thanh Hà.

+ Yêu cầu một số nhà thầu thi công hoàn thiện lại một số hạng mục công việc xây dựng của công trình theo đúng hồ sơ thiết kế, thiết kế điều chỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể: một số vị trí khe co giãn bị nứt và khoảng hở tường kê tại vị trí tường đầu cánh phai công cũ của gói thầu Sửa chữa, tu bổ đê đoạn từ K56+987 - K59+765 đê tả Thái Bình; hoàn thiện lại mái ta luy, lè đất tại một số vị trí bị sụt, lún của các gói thầu sửa chữa, tu bổ đê hữu Gừa, đê tả Mía, đê tả Thái Bình; thi công hoàn thiện hạng mục tường rào hoàn trả đoạn Cống Ông Trọng (Công trình Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển thủy sản, nông nghiệp xã Vĩnh Lập, Thanh Quang, huyện Thanh Hà gói xây lắp); thi công hoàn thiện 01 cột PCI-6.5 tại tuyến 5 xã Vĩnh Cường (công trình Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển thủy sản, nông nghiệp xã Vĩnh Lập, Thanh Quang, huyện Thanh Hà gói di chuyển đường điện); thi công hoàn thiện hạng mục đắp lè đường, vận chuyển phần đất bùn đồ đi và hoàn trả phần đường bê tông (Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hữu cơ kết hợp phát triển du lịch tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà (giai đoạn 1); thi công hoàn thiện 01 cột điện chiếu sáng của công trình Trung tâm văn hóa Thể thao huyện Thanh Hà, Hạng mục: Đường chạy, sân đường nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, cấp điện khu vực sân thể thao tổng hợp./TA

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Chủ tịch UBND thành phố;
- PCT TT L.A. Quân;
- Chánh TTTP;
- Phó Chánh TTTP Ng.Đ. Phương;
- Các đơn vị là đối tượng thanh tra;
- Các phòng: NV11, NV4;
- Lưu: VT; HSDTT.

CHÁNH THANH TRA



Trần Việt Tuấn



PHỤ LỤC I : BIỂU TÓNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN

Thời kỳ báo cáo: Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025

(Kèm theo Kết luận thanh tra ngày tháng năm 2026 của Chánh Thanh tra thành phố)

| STT | Đơn vị | Số đơn thuộc thẩm quyền | | | | | | | | | | | | | | Số đơn không thuộc thẩm quyền | | | Ghi chú | | | | | | | | | |
|-----|------------------|--------------------------------------|------------------|------------------|-------------------------|-----------------------|----------|---------------------|--------------------------------------|------------|-------------------------|----------------------------------|--------------------|----------|----------|-------------------------------|--------------------|----------|-----------------|-------------|-----------|------------|--------------|----------|----------|----------|----------|--------------|
| | | Kiểu nại | | | | | | | Tố cáo | | | | | | | Kiến nghị, phản ánh | | | | Tổng số đơn | Hướng dẫn | Chuyển đơn | | | | | | |
| | | Phân loại theo thẩm quyền giải quyết | | | Phân loại theo lĩnh vực | | | | Phân loại theo thẩm quyền giải quyết | | Phân loại theo lĩnh vực | | | | | Tổng số đơn | Chế độ, chính sách | Đất đai | | | | | Khác | | | | | |
| | | Tổng số đơn | Khấu nại lần đầu | Khấu nại lần hai | Khấu nại lần đầu | Chế độ, chính sách | Khác | Tố cáo lần đầu tiếp | Hành chính | Tham nhũng | Tư pháp | Khác | Chế độ, chính sách | Đất đai | Khác | | | | | | | | | | | | | |
| | MS | 1 | 2 | 3=4+23 | 5 | 6=7+8 =9+10 +11 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12=13+ 14=15+ 16+17+ 18 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19=20+ 21+22 | 20 | 21 | 22 | 23=24+ 25 | 24 | 25 | | | |
| | Tổng số | 122 | 122 | 122 | 119 | 119 | 3 | 0 | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 116 | 6 | 95 | 15 | 3 | 0 | 3 | 0 | 3 | |
| 1 | UBND xã Hà Tây | 26 | 26 | 26 | 25 | 25 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 25 | 1 | 24 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 02 đc tự rút |
| 2 | UBND xã Thanh Hà | 25 | 25 | 25 | 25 | 25 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 25 | 0 | 24 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | UBND xã Hà Nam | 22 | 22 | 22 | 22 | 22 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 22 | 2 | 7 | 13 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 4 | UBND xã Hà Đông | 49 | 49 | 49 | 47 | 47 | 3 | 0 | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 44 | 3 | 40 | 1 | 2 | 0 | 2 | 0 | 2 | 01 đc rút |



PHỤ LỤC II : BIỂU TỔNG HỢP THÔNG KÊ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
Thời kỳ báo cáo: Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025

(Kèm theo Kết luận thanh tra ngày tháng năm 2026 của Chánh Thanh tra thành phố)

| STT | Tài sản công | Số lượng | Phương án xử lý | | | Ghi chú |
|----------|---|------------|-------------------------|----------------------------|----------------------|---------------------------------|
| | | | Bàn giao cho các đơn vị | Điều chuyển cho các đơn vị | Phương án xử lý khác | |
| A | UBND xã Thanh Hà | 319 | 303 | 12 | 4 | |
| 1 | Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp | | | | | |
| 1.1 | Đất | 41 | 36 | 4 | 1 | Đã có công văn gửi Sở Tài chính |
| 1.2 | Nhà | 59 | 51 | 8 | 0 | |
| 2 | Xe ô tô, phương tiện vận tải | | 0 | | | |
| 2.1 | Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.2 | Xe ô tô phục vụ công tác chung | 1 | 1 | 0 | 0 | |
| 2.3 | Xe ô tô chuyên dùng | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.4 | Phương tiện vận tải khác | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến | 170 | 170 | 0 | 0 | |
| 4 | Các loại tài sản khác (Hạ tầng văn hóa, hạ tầng thương mại, hạ tầng giao thông) | 37 | 37 | 0 | 0 | |
| 5 | Nhà đất dôi dư sau sáp nhập | 11 | 8 | 0 | 3 | Đã có công văn gửi Sở Tài chính |
| | UBND xã Hà Tây | 248 | 225 | 0 | 23 | |
| 1 | Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp | | | | | |

| STT | Tài sản công | Số lượng | Phương án xử lý | | | | Ghi chú |
|-----|---|------------|-------------------------|----------------------------|----------------------|----------|----------|
| | | | Bàn giao cho các đơn vị | Điều chuyển cho các đơn vị | Phương án xử lý khác | | |
| 1.1 | Đất | 30 | 30 | 0 | 0 | 0 | |
| 1.2 | Nhà | 29 | 29 | 0 | 0 | 0 | |
| 2 | Xe ô tô, phương tiện vận tải | | 0 | | | | |
| 2.1 | Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.2 | Xe ô tô phục vụ công tác chung | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.3 | Xe ô tô chuyên dùng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.4 | Phương tiện vận tải khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến | 154 | 138 | 0 | 0 | 16 | Thanh lý |
| 4 | Các loại tài sản khác (Hạ tầng văn hóa, hạ tầng thương mại, hạ tầng giao thông) | 34 | 27 | 0 | 0 | 7 | Thanh lý |
| 5 | Nhà đất dôi dư sau sáp nhập | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | |
| | UBND xã Hà Nam | 250 | 242 | 8 | 0 | 0 | |
| 1 | Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp | | | | | | |
| 1.1 | Đất | 17 | 17 | 0 | 0 | 0 | |
| 1.2 | Nhà | 15 | 15 | 0 | 0 | 0 | |
| 2 | Xe ô tô, phương tiện vận tải | | 0 | | | | |
| 2.1 | Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.2 | Xe ô tô phục vụ công tác chung | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.3 | Xe ô tô chuyên dùng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.4 | Phương tiện vận tải khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |

| STT | Tài sản công | Số lượng | Phương án xử lý | | | Ghi chú |
|-----|---|-------------|-------------------------|----------------------------|----------------------|---------|
| | | | Bàn giao cho các đơn vị | Điều chuyển cho các đơn vị | Phương án xử lý khác | |
| 3 | Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến | 182 | 182 | 0 | 0 | |
| 4 | Các loại tài sản khác (Hạ tầng văn hóa, hạ tầng thương mại, hạ tầng giao thông) | 27 | 27 | 0 | 0 | |
| 5 | Nhà đất dôi dư sau sáp nhập | 8 | 0 | 8 | 0 | |
| | UBND xã Hà Đông | 218 | 211 | 7 | 0 | |
| 1 | Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp | | | | | |
| 1.1 | Đất | 19 | 19 | 0 | 0 | |
| 1.2 | Nhà | 7 | 7 | 0 | 0 | |
| 2 | Xe ô tô, phương tiện vận tải | | 0 | | | |
| 2.1 | Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.2 | Xe ô tô phục vụ công tác chung | 2 | 2 | 0 | 0 | |
| 2.3 | Xe ô tô chuyên dùng | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.4 | Phương tiện vận tải khác | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến | 167 | 167 | 0 | 0 | |
| 4 | Các loại tài sản khác (Hạ tầng văn hóa, hạ tầng thương mại, hạ tầng giao thông) | 16 | 16 | 0 | 0 | |
| 5 | Nhà đất dôi dư sau sáp nhập | 7 | 0 | 7 | 0 | |
| | Tổng | 1035 | 981 | 27 | 27 | |

***Ghi chú** : 23 Tài sản thanh lý bao gồm 10 bộ máy vi tính, 02 quạt hơi nước, 04 bảng biểu trang trí, bảng điện tử, 05 phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, 02 cột cờ nhà văn hóa

Page 1 of 1

| Date | Description | Debit | Credit | Balance |
|---------|-----------------|--------|--------|---------|
| 1/1/20 | Opening Balance | | | 1000.00 |
| 1/5/20 | Cash on hand | 500.00 | | 500.00 |
| 1/10/20 | Bank of America | 200.00 | 100.00 | 300.00 |
| 1/15/20 | ATM Withdrawal | 100.00 | | 200.00 |
| 1/20/20 | Deposit | | 300.00 | 500.00 |
| 1/25/20 | Cash on hand | 100.00 | | 400.00 |
| 1/30/20 | Bank of America | 100.00 | 50.00 | 350.00 |
| 2/5/20 | ATM Withdrawal | 50.00 | | 300.00 |
| 2/10/20 | Deposit | | 200.00 | 500.00 |
| 2/15/20 | Cash on hand | 100.00 | | 400.00 |
| 2/20/20 | Bank of America | 100.00 | 50.00 | 350.00 |
| 2/25/20 | ATM Withdrawal | 50.00 | | 300.00 |
| 2/28/20 | Deposit | | 200.00 | 500.00 |
| 3/5/20 | Cash on hand | 100.00 | | 400.00 |
| 3/10/20 | Bank of America | 100.00 | 50.00 | 350.00 |

| STT | Lĩnh vực TIHC và cung cấp DVHCC (ghi chi tiết từng lĩnh vực TTHC) | Số tiếp nhận trước 01/7/2025 chuyển qua | Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ | Trong đó | | Tổng số hồ sơ đã giải quyết | Trong đó | | | | Tổng số hồ sơ đang giải quyết | Trong đó | | Tổng số hồ sơ chưa giải quyết | Trong đó | | Tổng số hồ sơ bị mất, thất lạc, hư hỏng | |
|-----|--|--|---|--------------|---------------|-----------------------------------|-------------|---------------|------------|------------------------------|-------------------------------------|--------------|------------|---|--------------|------------|---|------------|
| | | | | Thực tiếp | Thực tuyến | | Đúng hạn | Trước hạn | Quá hạn | Kết quả giải quyết sai | | Trong hạn | Quá hạn | | Trong hạn | Quá hạn | | |
| 4 | Văn bằng, chứng chỉ | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Đường thủy nội địa | 0 | 3 | 0 | 3 | 0 | 0 | 2 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Bảo trợ xã hội | 0 | 691 | 494 | 197 | 683 | 0 | 681 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) | 0 | 205 | 1 | 204 | 171 | 0 | 168 | 3 | 0 | 12 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã | 0 | 1 | 0 | 1 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 9 | Hộ tịch | 0 | 1,663 | 215 | 1,448 | 1,593 | 0 | 1,579 | 14 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 10 | Chứng thực | 0 | 5,140 | 1,028 | 4,112 | 5,131 | 0 | 5,123 | 8 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 11 | Đất đai | 0 | 352 | 177 | 175 | 242 | 0 | 214 | 28 | 0 | 19 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 12 | Phổ biến giáo dục pháp luật | 0 | 42 | 42 | 0 | 42 | 0 | 41 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 13 | Lưu thông hàng hóa trong nước | 0 | 2 | 0 | 2 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Tổng | - | 35,485 | 7,119 | 28,366 | 35,144 | - | 34,831 | 161 | - | 130 | - | 130 | - | - | - | - | 454 |

PHỤ LỤC V: VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ DO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP
(Kèm theo Kết luận thanh tra ngày tháng năm 2026 của Chánh Thanh tra thành phố)

Đơn vị tính: đồng

| STT | Tên Trường học | Dự toán | | | | | | Thực hiện | | | | | |
|------------------------|---------------------|-----------------------|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------------|--------------------------------|---------------------|
| | | Dự toán giao đầu năm | Dự toán giao bổ sung trong năm | Kinh phí giảm trừ trong năm | Chi thường xuyên | Chi không thường xuyên | Tổng | Chi thường xuyên | Chi không thường xuyên | Tổng | Kinh phí còn tồn tại Kho bạc | Hủy dự toán/ thu hồi ngân sách | Chuyển sang năm sau |
| A. Năm học 2024 | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Mầm non Thanh Hà | 4,699,782,000 | 1,658,661,986 | 0 | 5,735,959,000 | 622,484,986 | 6,358,443,986 | 5,733,592,000 | 521,164,986 | 6,254,756,986 | 103,687,000 | 2,367,000 | 101,320,000 |
| 2 | Mầm non Liên Mạc | 4,118,305,000 | 1,256,725,962 | 0 | 4,835,792,000 | 539,238,962 | 5,375,030,962 | 4,829,723,000 | 499,237,962 | 5,328,960,962 | 46,070,000 | 6,070,000 | 40,000,000 |
| 3 | Mầm non Thanh Cường | 3,321,951,000 | 1,049,841,538 | 0 | 3,929,643,000 | 442,149,538 | 4,371,792,538 | 3,923,501,000 | 402,114,418 | 4,325,615,418 | 46,177,120 | 6,177,120 | 40,000,000 |
| 4 | Tiểu học Thanh Hồng | 4,964,139,000 | 1,470,111,585 | 0 | 5,953,048,000 | 481,202,585 | 6,434,250,585 | 5,949,348,000 | 410,177,008 | 6,359,525,008 | 74,725,577 | 34,725,577 | 40,000,000 |
| 5 | Tiểu học Thanh Hà | 7,114,602,000 | 1,870,385,162 | 0 | 8,545,318,000 | 439,669,162 | 8,984,987,162 | 8,541,238,000 | 382,869,162 | 8,924,107,162 | 60,880,000 | 20,880,000 | 40,000,000 |
| 6 | Tiểu học Tân An | 5,356,055,000 | 1,303,282,945 | 0 | 6,276,564,000 | 382,773,945 | 6,659,337,945 | 6,272,971,000 | 327,373,945 | 6,600,344,945 | 58,993,000 | 18,993,000 | 40,000,000 |
| 7 | Tiểu học Thanh Xuân | 4,049,278,000 | 1,075,518,598 | 0 | 4,799,015,000 | 325,781,598 | 5,124,796,598 | 4,795,058,000 | 267,769,527 | 5,062,827,527 | 61,969,071 | 61,969,071 | 0 |
| 8 | THCS Thanh Lang | 3,146,141,000 | 753,285,389 | 0 | 3,771,653,000 | 127,773,389 | 3,899,426,389 | 3,767,111,000 | 110,273,389 | 3,877,384,389 | 22,042,000 | 22,042,000 | 0 |
| 9 | THCS Thanh Hải | 6,252,057,000 | 1,707,596,350 | 0 | 7,486,476,000 | 473,177,350 | 7,959,653,350 | 7,481,961,000 | 428,892,350 | 7,910,853,350 | 48,800,000 | 8,800,000 | 40,000,000 |
| 10 | THCS Thanh Quang | 6,609,841,000 | 1,738,487,459 | 0 | 7,890,936,000 | 457,392,459 | 8,348,328,459 | 7,887,825,000 | 360,592,459 | 8,248,417,459 | 99,911,000 | 19,911,000 | 80,000,000 |
| 11 | THCS Chu Văn An | 5,541,163,000 | 1,011,002,000 | 0 | 6,452,050,000 | 100,115,000 | 6,552,165,000 | 6,447,848,000 | 35,915,000 | 6,483,763,000 | 68,402,000 | 8,402,000 | 60,000,000 |
| Tổng | | 55,173,314,000 | 14,894,899,174 | - | 65,676,454,000 | 4,391,759,174 | 70,068,213,174 | 65,630,176,000 | 3,746,380,406 | 69,376,556,406 | 691,656,768 | 210,336,768 | 481,320,000 |

| STT | Tên Trường học | Dự toán | | | | | | Thực hiện | | | | | |
|--------------------|---------------------|-----------------------|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------------|--------------------------------|---------------------|
| | | Dự toán giao đầu năm | Dự toán giao bổ sung trong năm | Kinh phí giảm trừ trong năm | Chi thường xuyên | Chi không thường xuyên | Tổng | Chi thường xuyên | Chi không thường xuyên | Tổng | Kinh phí còn tồn tại Kho bạc | Hủy dự toán/ chu hồi ngân sách | Chuyển sang năm sau |
| B. Năm 2025 | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Mầm non Thanh Hà | 6,622,192,000 | 1,711,834,500 | 0 | 6,759,301,000 | 1,574,725,500 | 8,334,026,500 | 6,759,301,000 | 1,536,010,894 | 8,295,311,894 | 38,714,606 | 38,714,606 | 0 |
| 2 | Mầm non Liên Mạc | 5,764,989,000 | 1,078,133,100 | 179,570,000 | 5,688,251,000 | 975,301,100 | 6,663,552,100 | 5,688,198,000 | 949,792,700 | 6,637,990,700 | 25,561,400 | 25,561,400 | 0 |
| 3 | Mầm non Thanh Cường | 4,680,528,000 | 1,308,073,480 | 0 | 4,784,083,000 | 1,204,518,480 | 5,988,601,480 | 4,784,083,000 | 1,204,518,480 | 5,988,601,480 | - | 0 | 0 |
| 4 | Tiểu học Thanh Hồng | 6,093,290,000 | 1,639,893,012 | 60,750,000 | 6,877,610,000 | 794,823,012 | 7,672,433,012 | 6,877,610,000 | 793,281,196 | 7,670,891,196 | 1,541,816 | 1,541,816 | 0 |
| 5 | Tiểu học Thanh Hà | 9,870,241,000 | 1,172,830,477 | 0 | 10,047,350,000 | 995,721,477 | 11,043,071,477 | 10,047,350,000 | 995,721,477 | 11,043,071,477 | - | 0 | 0 |
| 6 | Tiểu học Tân An | 6,992,224,000 | 824,260,997 | 0 | 7,175,984,000 | 640,500,997 | 7,816,484,997 | 7,175,984,000 | 640,404,997 | 7,816,388,997 | 96,000 | 96,000 | 0 |
| 7 | Tiểu học Thanh Xuân | 5,341,871,000 | 490,881,617 | 70,080,000 | 5,424,623,000 | 338,049,617 | 5,762,672,617 | 5,374,623,000 | 338,014,617 | 5,712,637,617 | 50,035,000 | 35,000 | 50,000,000 |
| 8 | THCS Thanh Lang | 4,447,745,000 | 1,034,978,847 | 0 | 4,622,941,000 | 859,782,847 | 5,482,723,847 | 4,622,941,000 | 859,773,847 | 5,482,714,847 | 9,000 | 9,000 | 0 |
| 9 | THCS Thanh Hải | 8,837,563,000 | 2,356,736,324 | 0 | 9,318,343,000 | 1,875,956,324 | 11,194,299,324 | 9,318,343,000 | 1,822,707,324 | 11,141,050,324 | 53,249,000 | 53,249,000 | 0 |
| 10 | THCS Thanh Quang | 8,956,306,000 | 2,342,496,138 | 233,510,000 | 8,955,071,000 | 2,110,221,138 | 11,065,292,138 | 8,955,071,000 | 1,863,235,630 | 10,818,306,630 | 246,985,508 | 246,985,508 | 0 |
| 11 | THCS Chu Văn An | 7,095,146,000 | 2,247,474,260 | 0 | 7,326,170,000 | 2,016,450,260 | 9,342,620,260 | 7,326,170,000 | 2,014,450,260 | 9,340,620,260 | 2,000,000 | 2,000,000 | 0 |
| Tổng | | 74,702,095,000 | 16,207,592,752 | 543,910,000 | 76,979,727,000 | 13,386,050,752 | 90,365,777,752 | 76,979,674,000 | 13,017,911,422 | 89,947,585,422 | 418,192,330 | 368,192,330 | 50,000,000 |

PHỤ LỤC VI: TỔNG HỢP SỐ LIỆU THU CHI NGUỒN HỌC PHÍ

(Kèm theo Kết luận thanh tra ngày tháng năm 2026 của Chánh Thanh tra thành phố)

Đơn vị tính: đồng

| STT | Tên Trường | Năm học | Dự đầu kì | Thu | Chi | | | Dự cuối kì |
|-------------|---------------------|-----------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| | | | | | Chi con người | Chi chuyên môn | Chi khác | |
| 1 | Mầm non Thanh Hà | 2023-2024 | 141,689,071 | 567,817,500 | 83,298,500 | 223,570,695 | 187,070,610 | 215,566,766 |
| | | 2024-2025 | 215,566,766 | 380,160,000 | 196,533,200 | 123,473,977 | 50,609,000 | 225,110,589 |
| 2 | Mầm non Liên Mạc | 2023-2024 | - | 332,904,500 | 46,794,944 | 137,522,104 | 9,798,000 | 138,789,452 |
| | | 2024-2025 | 138,789,452 | 416,733,000 | 214,300,972 | 126,083,430 | 98,226,000 | 116,912,050 |
| 3 | Mầm non Thanh Cường | 2023-2024 | 101,645,150 | 301,997,500 | 50,336,225 | 31,241,830 | 210,291,796 | 111,772,799 |
| | | 2024-2025 | 111,772,799 | 196,720,000 | 115,367,000 | 7,695,500 | - | 185,430,299 |
| 8 | THCS Thanh Lang | 2023-2024 | 108,640,196 | 289,485,000 | 93,918,700 | 96,802,404 | - | 207,404,092 |
| | | 2024-2025 | 207,404,092 | 257,805,000 | 313,020,550 | 69,751,931 | 978,040 | 81,458,571 |
| 9 | THCS Thanh Hải | 2023-2024 | 185,280,056 | 808,170,000 | 160,961,640 | 437,366,400 | 12,550,000 | 382,572,016 |
| | | 2024-2025 | 382,572,016 | 760,325,000 | 557,562,565 | 163,581,029 | 37,118,424 | 384,634,998 |
| 10 | THCS Thanh Quang | 2023-2024 | 248,575,700 | 558,279,500 | 587,699,725 | 37,356,200 | - | 181,799,275 |
| | | 2024-2025 | 181,799,275 | 519,010,000 | 404,992,468 | - | 5,614,250 | 290,202,557 |
| 11 | THCS Chu Văn An | 2023-2024 | 28,083,998 | 516,355,000 | 198,740,950 | 249,893,020 | - | 95,805,028 |
| | | 2024-2025 | 95,805,028 | 537,260,000 | 320,096,664 | 143,809,539 | - | 169,158,825 |
| Tổng | | 2023-2024 | 813,914,171 | 3,375,009,000 | 1,221,750,684 | 1,213,752,653 | 419,710,406 | 1,333,709,428 |
| | | 2024-2025 | 1,333,709,428 | 3,068,013,000 | 2,121,873,419 | 634,395,406 | 192,545,714 | 1,452,907,889 |

| Year | 1970 | 1971 | 1972 | 1973 | 1974 | 1975 | 1976 | 1977 | 1978 | 1979 | 1980 |
|-------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 1970 | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 1971 | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 1972 | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 1973 | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 1974 | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 1975 | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 1976 | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 1977 | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 1978 | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 1979 | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 1980 | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| Total | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |

...

PHỤ LỤC VII: Việc thực hiện thu, chi các khoản nguồn thu khác năm học 2023-2024; 2024-2025
(Kèm theo Kết luận thanh tra ngày tháng năm 2026 của Chánh Thanh tra thành phố)

Đơn vị tính: đồng

| STT | Khoản thu | Năm học 2023-2024 | | | | Năm học 2024-2025 | | | |
|-----|---------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|
| | | Dư đầu kỳ | Thu | Chi | Dư cuối kỳ | Dư đầu kỳ | Thu | Chi | Dư cuối kỳ |
| 1 | Mâm non Thanh Hà | - | 3,608,211,000 | 3,608,211,000 | - | 3,613,861,307 | 3,589,547,247 | 3,589,547,247 | 24,314,060 |
| 2 | Mâm non Liên Mạc | - | 1,992,301,000 | 1,992,045,222 | 255,778 | 1,952,495,000 | 1,952,486,000 | 1,952,486,000 | 264,778 |
| 3 | Mâm non Thanh Cường | - | 1,752,049,000 | 1,752,049,000 | - | 1,491,663,000 | 1,491,663,000 | 1,491,663,000 | - |
| 4 | Tiểu học Thanh Hồng | - | 2,955,713,800 | 2,955,713,800 | - | 2,699,700,622 | 2,699,700,622 | 2,699,700,622 | - |
| 5 | Tiểu học Thanh Hà | - | 5,293,684,400 | 5,291,461,400 | 2,223,000 | 3,486,827,050 | 3,489,050,050 | 3,489,050,050 | - |
| 6 | Tiểu học Tân An | - | 2,494,979,100 | 2,494,979,100 | - | 1,983,040,358 | 1,983,040,358 | 1,983,040,358 | - |
| 7 | Tiểu học Thanh Xuân | - | - | - | - | 6,389,000 | 946,127,680 | 952,485,880 | 30,800 |
| 8 | THCS Thanh Lang | - | 756,576,200 | 756,576,200 | - | 558,330,960 | 542,304,760 | 542,304,760 | 16,026,200 |
| 9 | THCS Thanh Hải | 63,695,980 | 2,331,362,720 | 2,349,050,666 | 46,008,034 | 1,995,882,090 | 1,974,024,314 | 1,974,024,314 | 67,865,810 |
| 10 | THCS Thanh Quang | 32,609,100 | 1,138,878,500 | 1,171,487,600 | - | 956,104,000 | 956,104,000 | 956,104,000 | - |
| 11 | THCS Chu Văn An | - | 1,782,049,040 | 1,778,791,397 | 3,257,643 | 1,772,675,020 | 1,760,940,290 | 1,760,940,290 | 14,992,373 |
| | Tổng | 96,305,080 | 24,105,804,760 | 24,150,365,385 | 51,744,455 | 58,133,455 | 21,456,707,087 | 21,391,346,521 | 123,494,021 |

PHỤ LỤC SỐ VIII: TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Kết luận thanh tra số /KL-TTTP ngày tháng 6 năm 2026 của Chánh Thanh tra thành phố)

| Stt | Tên Chủ đầu tư/Tên công trình (hạng mục công trình) | Số liệu quyết toán A-B hoặc giá trị gói thầu | | | Nguyên nhân sai phạm | | | | Kết quả xử lý | | | Số liệu thanh toán chi phí xây dựng đến 16/4/2026 | Giá trị xây lắp còn nợ, chưa thanh toán | Chênh lệch giá trị thanh toán với giá trị tra phải thu hồi | Ghi chú | |
|-----|---|--|------------------|-----------|----------------------|--|---|--|---|---------|-----------------------|---|---|--|---------|---|
| | | Tổng số | Xây lắp sau thuế | KTCB khác | Tổng số | Dự toán xây dựng có nội dung tính sai lệch | Dự toán xây dựng có nội dung công việc xây dựng xác định sai giá vật liệu | Dự toán xây dựng có nội dung áp dụng vận dụng định mức không phù hợp | Nghị định thu chưa giảm trừ khối lượng không thi công | Tổng số | Thu hồi nộp ngân sách | | | | | Giám quyết toán |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=7+8+9 | 7 | 8 | 9 | 10=11+12 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | |
| A | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Thanh Hà | 266.630.976 | 266.630.976 | - | 1.817.333 | 898.555 | 47.572 | 871.206 | 1.817.333 | - | 1.817.333 | 254.152.556 | 6.566.173 | 1.089.239 | - | chậm bàn giao đưa vào sử dụng |
| 1 | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất thôn Nhân Hiền, xã Thanh Quang | 7.676.838 | 7.676.838 | | 25.971 | | | 25.971 | 25.971 | | 25.971 | 7.676.838 | - | 25.971 | | Chưa hoàn thành TC; kiểm tra dự toán, giá hợp đồng |
| 2 | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Khu 1 thị trấn Thanh Hà (Giai đoạn 3) | 13.082.075 | 13.082.075 | | 384.896 | 363.037 | 21.859 | | 384.896 | | 384.896 | 10.854.078 | - | - | | |
| 3 | Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và cải tạo, sửa chữa các hạng mục xây dựng Trường Tiểu học Thanh Xuân | 11.657.956 | 11.657.956 | | 76.174 | 28.994 | | 47.180 | 76.174 | | 76.174 | 10.900.275 | 681.507 | - | | Chưa được phê duyệt QT nên đơn vị tài trợ chưa thanh toán |
| 4 | Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường Trung học Cơ sở Vĩnh Lập, xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà | 8.810.946 | 8.810.946 | | 8.054 | 8.054 | | | 8.054 | | 8.054 | 6.469.632 | 2.333.260 | - | | Chưa được phê duyệt QT nên đơn vị tài trợ chưa thanh toán |
| 5 | Cải tạo, nâng cấp đường huyện 190D giai đoạn 2 (đoạn từ Km3+427 đến Km4+327) | 12.263.772 | 12.263.772 | | 25.713 | | 25.713 | | 25.713 | | 25.713 | 12.263.772 | - | 25.713 | | |
| 6 | Cải tạo, nâng cấp đường huyện 190D giai đoạn 2 (đoạn từ Km4+327 đến Km5+037) | 11.902.167 | 11.902.167 | | 112.551 | | | | 112.551 | | 112.551 | 11.902.167 | - | 112.551 | | |
| 7 | Xây dựng gô giám tốc, bổ sung hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống báo hiệu trên các tuyến đường nhánh giao cắt với các tuyến đường tỉnh, đường huyện trên địa bàn huyện Thanh Hà | 2.361.791 | 2.361.791 | | 12.176 | | | 12.176 | 12.176 | | 12.176 | 2.361.791 | - | 12.176 | | |

Đơn vị tính: 1000đ

| Stt | Tên Chủ đầu tư/Tên công trình (tàng mục công trình) | Số liệu quyết toán A-B hoặc giá trị gói thầu | | Nguyên nhân sai phạm | | Kết quả xử lý | | Số liệu thanh toán chi phí xây dựng đến 16/4/2026 | Giá trị xây lắp còn nợ, chưa thanh toán | Chênh lệch giá trị thanh toán với giá trị sau thanh tra phải thu hồi | Ghi chú | | | | |
|-----|---|--|------------------|----------------------|-----------|------------------------|------------------------|---|---|--|---------|--|---------|----------------------|-----------------|
| | | Tổng số | Xây lắp sau thuế | KTCB khác | Tổng số | Dự toán xây dựng cơ sở | Dự toán xây dựng cơ sở | | | | | Nghiệm thu chưa giảm trừ khối lượng không thi công | Tổng số | Thu hồi nợ ngân sách | Giảm quyết toán |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=(7+8+9) | 7 | 8 | 9 | 10=(11+12) | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| 8 | Cải tạo, sửa chữa hệ thống đèn Led trang trí mỹ thuật huyện Thanh Hà | 2.181.969 | 2.181.969 | | 8.567 | | | 8.567 | 8.567 | | 8.567 | 2.181.969 | - | 8.567 | - |
| 10 | Mở rộng trường và xây dựng nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường THCS Chu Văn An | 11.334.095 | 11.334.095 | | 32.991 | | | 32.991 | 32.991 | | 32.991 | 11.334.095 | - | 32.991 | - |
| 11 | Xây dựng các hạng mục tường rào, sân, điện chiếu sáng và hệ thống thoát nước trường THCS Chu Văn An, thị trấn Thanh Hà | 2.736.836 | 2.736.836 | | 5.275 | | | 5.275 | 5.275 | | 5.275 | 2.736.836 | - | 5.275 | - |
| 12 | Cải tạo, nâng cấp Chợ Bàu xã Thanh Hồng, Chợ Liên Minh xã Thanh Lang, Chợ Sỏi xã An Phương và Chợ Gôm xã Tân Việt, huyện Thanh Hà | 3.399.113 | 3.399.113 | | 16.473 | 16.473 | | | 16.473 | | 16.473 | 3.399.113 | - | 16.473 | - |
| 13 | Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non xóm 4, xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà | 4.528.300 | 4.528.300 | | 15.818 | 15.818 | | | 15.818 | | 15.818 | 4.528.300 | - | 15.818 | - |
| 14 | Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng móng 2 tầng trường Mầm non An Phương (Khu A), xã An Phương, huyện Thanh Hà | 4.832.517 | 4.832.517 | | 12.613 | 2.346 | | 10.267 | 12.613 | | 12.613 | 4.832.517 | - | 12.613 | - |
| 15 | Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Hồng Lạc (Khu B thôn Hải Hộ), xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà | 7.044.673 | 7.044.673 | | 44.217 | 44.217 | | | 44.217 | | 44.217 | 7.044.673 | - | 44.217 | - |
| 16 | Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường Tiểu học Thanh Xuân, xã Thanh Xuân, huyện Thanh Hà | 6.560.455 | 6.560.455 | | 9.138 | 9.138 | | | 9.138 | | 9.138 | 6.560.455 | - | 9.138 | - |
| 17 | Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng trường Trung học Cơ sở Thanh Hải, xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà | 5.266.913 | 5.266.913 | | 16.834 | 16.834 | | | 16.834 | | 16.834 | 5.266.913 | - | 16.834 | - |
| 18 | Nhà Lớp học 3 tầng 6 phòng trường THCS An Phương | 5.961.083 | 5.961.083 | | 29.541 | 29.541 | | | 29.541 | | 29.541 | 5.961.083 | - | 29.541 | - |
| 19 | Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng sản xuất nông nghiệp (theo hướng sản xuất hữu cơ kết hợp phát triển du lịch) tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà | 9.409.057 | 9.409.057 | | 71.161 | | | 71.161 | 71.161 | | 71.161 | 8.923.615 | 414.281 | - | - |
| 20 | Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng sản xuất nông nghiệp (theo hướng sản xuất hữu cơ kết hợp phát triển du lịch) tại xã Thanh Lang, huyện Thanh Hà | 9.348.448 | 9.348.448 | | 93.449 | | | 93.449 | 93.449 | | 93.449 | 9.464.509 | - | 209.510 | - |

| Stt | Tên Chủ đầu tư/Tên công trình (hạng mục công trình) | Số liệu quyết toán A-B hoặc giá trị gói thầu | | | Nguyên nhân sai phạm | | | | Kết quả xử lý | | | Số liệu thanh toán chi phí xây dựng đến 16/4/2026 | Giá trị xây lắp còn nợ, chưa thanh toán | Chính lệch giá trị thanh toán với giá trị sau thanh tra phải thu hồi | Ghi chú |
|------|---|--|------------------|-----------|--|--|--|--|---------------|-----------------------|-----------------|---|---|--|---------|
| | | Tổng số | Xây lắp sau thuế | KTCB khác | Tổng số xây dựng có nội dung tính sai tăng khối lượng công việc xây dựng xác định vật liệu | Dự toán xây dựng có nội dung tính sai tăng khối lượng công việc xây dựng xác định vật liệu | Dự toán xây dựng có nội dung áp dụng vận dụng định mức không phù hợp | Nghiệm thu chưa giám sát khối lượng không thi công | Tổng số | Thu hồi nộp ngân sách | Giảm quyết toán | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=(7+8+9) | 8 | 9 | 10=(11+12) | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | |
| 21 | Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Thanh Xuân, huyện Thanh Hà | 7.999.490 | 7.999.490 | | 16.158 | | 16.158 | 16.158 | | 16.158 | 8.055.798 | | 72.466 | | |
| 22 | Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng sản xuất rươi, cây tại xã Thanh Sơn, huyện Thanh Hà. | 11.199.896 | 11.199.896 | | 164.530 | | 164.530 | 164.530 | | 164.530 | 11.199.896 | | 164.530 | | |
| 23 | Di chuyển đường dây 35kV phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Tân An và xã Thanh Khê, huyện Thanh Hà | 3.140.827 | 3.140.827 | | 10.800 | | 10.800 | 10.800 | | 10.800 | 1.903.450 | 1.226.577 | | Chưa bố trí được vốn thanh toán | |
| 24 | Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Trường Tiểu học Vĩnh Lập, xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà | 11.127.022 | 11.127.022 | | 31.568 | 31.568 | 31.568 | 31.568 | | 31.568 | 11.127.022 | | 31.568 | | |
| 25 | Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển thủy sản, nông nghiệp xã Vĩnh Lập, Thanh Quang, huyện Thanh Hà | | | | | | | | | | | | | | |
| 25.1 | Gói xây lắp | 19.634.403 | 19.634.403 | | 216.949 | | 216.949 | 216.949 | | 216.949 | 18.384.938 | 1.032.516 | | | |
| 25.2 | Gói di chuyển đường điện | 883.929 | 883.929 | | | | | | | | 883.929 | | | | |
| 26 | Sửa chữa, tu bổ đề đoạn từ K56+987 - K59+765 đề tài Thất Bình, huyện Thanh Hà (Đề cấp IV) | 22.843.459 | 22.843.459 | | 86.931 | | 86.931 | 86.931 | | 86.931 | 22.843.459 | | 86.931 | | |
| 27 | Sửa chữa, tu bổ đề đoạn từ K0+000 - K1+650 đề hữu Gừa, xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà | 12.570.125 | 12.570.125 | | 50.327 | 18.696 | 31.631 | 50.327 | | 50.327 | 12.570.125 | | 50.327 | | |
| 28 | Sửa chữa, tu bổ đề đoạn từ K0+000 - K1+632 đề tài Mía, huyện Thanh Hà | 13.230.920 | 13.230.920 | | 31.541 | | 31.541 | 31.541 | | 31.541 | 12.613.373 | 586.006 | | | |
| 29 | Cấp điện sinh hoạt và cấp điện chiếu sáng (giai đoạn I), thuộc dự án: Khu dân cư phía Bắc thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà | 10.892.601 | 10.892.601 | | 106.029 | | 106.029 | 106.029 | | 106.029 | 10.892.601 | | 106.029 | | |

| Stt | Tên Chủ đầu tư/Tên công trình (Hạng mục công trình) | Số hiệu quyết toán A-B hoặc giá trị gói thầu | | | Nguyên nhân sai phạm | | | | | Kết quả xử lý | | Số liệu thanh toán chi phí xây dựng đến 16/4/2026 | Giá trị xây lắp còn nợ, chưa thanh toán | Chênh lệch giá trị thanh toán với giá trị sau thanh tra phải thu hồi | Ghi chú |
|------|--|--|--------------------|-----------|----------------------|---|---|--|------------------|----------------------|------------------|---|---|--|--|
| | | Tổng số | Xây lắp sau thuế | KTCB khác | Tổng số | Dự toán xây dựng có nội dung tính sai tăng khối lượng công việc xây dựng, xác định sai giá vật liệu | Dự toán xây dựng có nội dung áp dụng định mức không phù hợp | Nghiệm thu chưa giám trị khối lượng không thi công | Tổng số | Thu hồi nợ ngân sách | Giảm quyết toán | | | | |
| 1 | | 3 | 4 | 5 | (6=7+8+9) | 7 | 8 | 9 | (10=11+12) | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| 34 | Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Thanh Hồng và nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non Việt Hồng, huyện Thanh Hà | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 34.1 | Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Việt Hồng, huyện Thanh Hà | 6.051.896 | 6.051.896 | - | 10.569 | 4.940 | - | 5.629 | 10.569 | - | 10.569 | 5.749.301 | 292.026 | - | - |
| 34.2 | Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Thanh Hồng | 6.697.404 | 6.697.404 | - | 90.319 | 90.319 | - | - | 90.319 | - | 90.319 | 3.266.033 | - | - | Chưa hoàn thành TC; KT dự toán HM gói thầu, điều chỉnh TK; Chưa quyết toán |
| B | Ban quản lý dự án từng công trình do UBND huyện Thanh Hà thành lập | 14.720.298 | 14.720.298 | - | 170.604 | 116.961 | 26.387 | 27.256 | 170.604 | - | 170.604 | 14.781.449 | - | 231.755 | - |
| 30 | Trung tâm văn hóa Thể thao huyện Thanh Hà. Hạng mục: Đường chạy, sân đường nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, cấp điện khu vực sân thể thao tổng hợp | 7.785.427 | 7.785.427 | - | 123.859 | 97.472 | 26.387 | - | 123.859 | - | 123.859 | 7.796.847 | - | 135.279 | - |
| 31 | Xây dựng Sò chỉ huy cơ bản huyện Thanh Hà. Hạng mục san lấp công thoát nước, nhà bảo vệ, công, tường rào và sân đường nội bộ | 6.205.719 | 6.205.719 | - | 28.085 | 829 | - | 27.256 | 28.085 | - | 28.085 | 6.255.450 | - | 77.816 | - |
| 33 | Tiểu dự án khu du lịch sinh thái Đồng Mãn, thôn An Lão, xã Thanh Khê, huyện Thanh Hà | 729.152 | 729.152 | - | 18.660 | 18.660 | - | - | 18.660 | - | 18.660 | 729.152 | - | 18.660 | - |
| | Tổng cộng | 281.351.274 | 281.351.274 | - | 1.987.937 | 1.015.516 | 73.959 | 898.462 | 1.987.937 | - | 1.987.937 | 268.934.005 | 6.566.173 | 1.320.994 | - |